



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – PHAN MẠNH HÙNG – TĂNG THỊ TUYẾT MAI
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – PHAN THU VÂN

Bài tập NGŨ VẦN



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – PHAN MẠNH HÙNG – TĂNG THỊ TUYẾT MAI
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – PHAN THU VÂN

Bài tập **NGỮ VĂN**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: THÁI HỮU DƯƠNG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP NGỮ VĂN 7 - TẬP MỘT (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2BH7V001M22

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/21-397/GD

Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-31980-7

Tập hai: 978-604-0-31981-4

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Nếu học mà không thực hành thì sẽ không hiểu sâu, nhớ lâu những lí thuyết được học và hình thành, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được xác định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đó là lí do phương châm “Học đi đôi với hành” luôn được đề cao trong giáo dục.

Cuốn **Bài tập Ngữ văn 7**, bộ sách **Chân trời sáng tạo** được các tác giả biên soạn nhằm giúp các em vận dụng những tri thức đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 7* (NXB Giáo dục Việt Nam, 2022) vào đọc hiểu các văn bản, làm các bài tập tiếng Việt cũng như thực hành viết, nói và nghe các kiểu bài để từ đó củng cố, nâng cao các kĩ năng đọc, viết, nói – nghe.

Cuốn sách gồm 2 tập, mỗi tập có 5 bài tương ứng với các chủ điểm trong sách giáo khoa *Ngữ văn 7*. Mỗi bài gồm có hai phần: phần thứ nhất trình bày hệ thống các bài tập đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe; phần thứ hai hướng dẫn các em cách làm bài tập và gợi ý câu trả lời.

Chúc các em có nhiều niềm vui trong học tập!

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

	Trang
Bài 1. Tiếng nói của vạn vật	5
Bài 2. Bài học cuộc sống	19
Bài 3. Những góc nhìn văn chương	48
Bài 4. Quà tặng của thiên nhiên.....	59
Bài 5. Từng bước hoàn thiện bản thân.....	76

Chân trời sáng tạo

Bài 1

TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT

(Thơ bốn chữ, năm chữ)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Nối thông tin ở cột A với thông tin tương ứng ở cột B:

A	B
1. Vần chân/ cước vận	a. Là loại vần được gieo theo cách tiếng cuối của dòng trên vần với một tiếng nằm ở giữa dòng dưới hoặc các tiếng trong cùng một dòng thơ hiệp vần với nhau.
2. Vần lưng/ yêu vận	b. Là loại vần mà trong đó bộ phận vần của các tiếng được gieo vần không lặp lại hoàn toàn mà có thể khác biệt nhau chút ít. c. Là loại vần được gieo vào cuối dòng thơ, nghĩa là các tiếng ở cuối dòng vần với nhau.

2. Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa thể thơ bốn chữ và thể thơ năm chữ.

3. Hãy điền thông tin phù hợp vào hai câu sau:

Nhịp thơ được biểu hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành (1)..... hoặc ở cách (2)..... đều đặn cuối mỗi (3)..... Nhịp thơ có tác dụng tạo (4)....., làm nên (5)..... của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung thơ.

4. Đọc lại văn bản *Lời của cây* (Trần Hữu Thung) trong SGK *Ngữ văn 7* (tập 1) và trả lời các câu hỏi sau:

- Để miêu tả hạt nảy mầm, tác giả đã sử dụng hình ảnh nào? Em có nhận xét gì về hình ảnh ấy?
- Chỉ ra và nêu tác dụng của (những) biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ:

*Mâm tròn nằm giữa
Vỏ hạt làm nôi
Nghe bàn tay vỗ
Nghe tiếng ru hời.*

- c. Nhận xét về nhịp thơ của dòng thơ “*Rằng các bạn ơi*”. Từ đó, cho biết qua khổ thơ cuối, tác giả muốn thay mặt cây nhãn gửi đến chúng ta điều gì?
5. Đọc lại văn bản *Sang thu* (Hữu Thỉnh) trong SGK *Ngữ văn 7* (tập 1) và trả lời các câu hỏi sau:
- a. Chỉ ra nét độc đáo về cách dùng từ ngữ, hình ảnh và biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.*

- b. Em có cảm nhận như thế nào về bức tranh thiên nhiên được miêu tả qua bài thơ?
- c. Nếu được chọn một hình ảnh miêu tả tinh tế và tài tình khoảnh khắc đất trời chuyển mình sang thu thì em sẽ chọn hình ảnh nào? Vì sao?
- d. Theo em, từ “*bỗng*” trong hai dòng thơ: “*Bỗng nhận ra hương ổi/ Phả vào trong gió se*” có thể được thay bằng từ “*đã*” không? Vì sao?
6. Đọc văn bản dưới đây và trả lời các câu hỏi:

VỀ MÙA XOÀI MẸ THÍCH

Thanh Nguyên

*Quả xoài xira Mẹ thích
cứ gọi mãi trong con
cái hương thơm chín nức
cái quả bé tròn tròn*

*Khi cây xoài trước ngõ
lấp ló trái vàng hoe
đủ nhắc cho con nhớ
mùa hạ đã gần về*

Cầm quả xoài của Mẹ
cầm cả mùa trên tay
cắn miếng xoài ngọt lịm
vị đầu lưỡi thơm hoài

Vô tình hay hữu ý
xoài mang hình quả tim?
Riêng con thì con nghĩ
đấy – lòng Mẹ ngọt mềm

Tóc xoã rồi tóc búi
một đời Mẹ thắt chiu
xoài non rồi chín tới
quả lủng lẳng cành treo

Nghe hương xoài bay theo
từng bước chân của Mẹ
thơm lựng vào lời kể
những câu chuyện đời xưa.

Chân trời sáng tạo

Ngõ hạt mưa đầu mùa
là hột xoài trong suốt
nhìn vỏ xoài Mẹ gọt
con gọi: cánh hoàng lan...

Ngõ như cả mùa vàng
nằm trong bàn tay Mẹ
Trộn một đời thơ bé
ướp lẩn với hương xoài.

*Nhưng rồi có một ngày
trái xoài già rụng cuống...*

*Tháng hạ không đến sớm
đủ cho quả xoài vàng
tháng hạ không đến muộn
đủ nhắc con mùa sang.*

*Ngào ngạt khắp không gian
hương xoài xưa Mẹ thích.*

(In trong *Mùa hạ trong thi ca*, Tuyển thơ nhiều tác giả, NXB Hội Nhà văn, 2007)

- Bài thơ được làm theo thể thơ gì?
- Chỉ ra những đặc điểm về vần và nhịp của bài thơ.
- Tìm một số từ ngữ, hình ảnh miêu tả “quả xoài của mẹ” qua cách nhìn, cách cảm của người con. Nhận xét về điểm chung của những từ ngữ, hình ảnh ấy. Cách miêu tả như vậy có tác dụng gì?
- Tìm và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Nhưng rồi có một ngày
trái xoài già rụng cuống...*

*Tháng hạ không đến sớm
đủ cho quả xoài vàng
tháng hạ không đến muộn
đủ nhắc con mùa sang.*

- Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào trong văn bản?
- Xác định chủ đề và thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

7. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

MỤC ĐỒNG¹ NGŨ TRÊN CÁT TRẮNG

Trần Quốc Toàn

Suốt ngày dãi nắng
Vàng hoe tóc bông²
Đêm nhóm lửa hồng
Áp lưng cát trắng
Lẳng nghe gió thổi
Thia lia³ sao xa
Năm ngâm chân mỗi
Vào sông Ngân Hà...

Những hạt bắp nướng
Chín căng giọt sương
Một hòn than nổ
Bung vì sao băng
Ai vui khoai củ
Thơm giờ tàn canh
Tù và⁴ đã rục
Đánh thức bình minh
Đê...

Cừu...

bứt cọng nắng

Kéo ông mặt trời lên.

(In trong báo Thiếu niên tiền phong, số 168/ 2015)

¹ Mục đồng: trẻ chăn trâu, chăn bò.

² Tóc bông: tóc ở trạng thái nổi cao lên, phồng cao lên.

³ Thia lia: liệng cho mảnh sành, mảnh ngói, v.v. bay sát mặt nước và nảy lên nhiều lần.

⁴ Tù và: dụng cụ báo hiệu ở nông thôn thời trước, làm bằng sừng trâu, bò hoặc vỏ ốc, dùng hơi để thổi, tiếng vang xa.

- Bài thơ miêu tả cuộc sống của những chú bé mục đồng trong thời điểm nào? Dựa vào đâu để nhận biết điều đó?
- Bức tranh cuộc sống của mục đồng đã được tác giả miêu tả bằng những hình ảnh nào? Từ đó, em hình dung như thế nào về cuộc sống và tâm hồn của họ?
- Xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ.
- Tác giả thể hiện tình cảm gì với chú bé mục đồng? Tình cảm đó được thể hiện qua những từ ngữ nào?
- Xác định (những) biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ dưới đây và phân tích tác dụng của chúng.

Những hạt bắp nường

Chín căng giọt sương

Một hòn than nổ

Bụng vì sao băng

- Qua bài thơ, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

II. TIẾNG VIỆT

- Hoàn thành những thông tin về **phó từ** trong bảng sau:

Phó từ	Những thông tin cần lưu ý
Vị trí trong câu	
Chức năng	
Lưu ý khi sử dụng trong giao tiếp	

- Xác định phó từ trong những trường hợp sau đây và cho biết mỗi phó từ bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ hoặc tính từ nào.
 - Bọn tôi thường nhốt dê trong hộp diêm, thức ăn cho dê là những nhánh cỏ non tơ nhất. (Nguyễn Nhật Ánh, *Tuổi thơ tôi*)
 - Đám tang chú dế, bọn tôi đều có mặt, im lìm, buồn bã, trang nghiêm. (Nguyễn Nhật Ánh, *Tuổi thơ tôi*)

- c. Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ đĩa đứng dậy, van: “Thế bây giờ làm thế nào, hờ vú? Mợ tôi biết thì chết”. (Thạch Lam, *Gió lạnh đầu mùa*)
- d. Bầm nhà cháu độ này khổ lắm, chẳng để dành được đồng nào may áo cho con cả. (Thạch Lam, *Gió lạnh đầu mùa*)
- đ. Mẹ phải vắn cái vai đưa ấy cạnh bếp, nửa ngày lại xoay một lần. (Đỗ Bích Thuý, *Và tôi nhớ khói*)

III. VIẾT

1. Khi làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, cần lưu ý điều gì?
2. Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có đặc điểm gì?
3. Viết một đoạn văn khoảng 150 chữ, trình bày cảm xúc của em về một trong hai bài thơ *Về mùa xoài mẹ thích* (Thanh Nguyên) và *Mục đồng ngủ trên cát trắng* (Trần Quốc Toàn).

IV. NÓI VÀ NGHE

Vẽ sơ đồ các bước *Tóm tắt nội dung chính do người khác trình bày* và giải thích ý nghĩa của từng bước.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Câu trả lời đúng là: 1c; 2a.

2.

– Điểm giống nhau: Vần thơ kết hợp vần chân và vần lưng (xen kẽ), gieo vần liền hoặc cách. Số dòng trong bài thơ không hạn định.

– Điểm khác nhau:

+ Thể thơ bốn chữ: mỗi dòng có bốn chữ, thường có nhịp 2/2;

+ Thể thơ năm chữ: mỗi dòng có năm chữ, thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3.

3. (1) từng vế, (2) xuống dòng, (3) dòng thơ, (4) tiết tấu, (6) nhạc điệu.

4.

a. Để miêu tả hình ảnh hạt nảy mầm, tác giả đã sử dụng hình ảnh “giọt sữa”. Đó là một hình ảnh ẩn dụ gợi tả rõ nét màu sắc sinh động, sự khởi đầu căng tràn nhựa sống của hạt mầm bé xú. Hình ảnh ấy cũng thể hiện sự quan sát thiên nhiên qua lăng kính của một đứa trẻ, đem đến cho người đọc sự cảm nhận về thế giới xung quanh thật diệu kì, lạ lẫm.

b. Biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ là *so sánh* (vỏ hạt – nôi) và *điệp từ* (nghe).

Tác dụng: Làm cho việc miêu tả trở nên sinh động và giàu giá trị biểu cảm. Hạt mầm bé nhỏ dường như nhận được rất nhiều sự yêu thương từ vạn vật xung quanh. Vỏ hạt nâng niu, che chở mầm từ bên trong. Điệp từ “nghe” cho thấy sự giao cảm đặc biệt giữa mầm với thế giới xung quanh. Mầm dường như “lắng nghe”, cảm nhận rất rõ sự chờ đợi, vỗ về của đất trời và con người dành cho mình nên siêng năng tích tụ sức sống, chờ ngày “mở mắt” đón chào cuộc sống mới.

c. Dòng thơ “*Rằng các bạn ơi*” ngắt nhịp 1/3. Qua đó, tác giả thể hiện cây khao khát muốn được giao cảm, chia sẻ với con người. Tác giả muốn thay mặt cây để nhắn gửi đến chúng ta thông điệp mỗi sự vật trên thế giới này đều góp phần làm nên sự sống.

5.

a. Nét độc đáo của hai câu thơ được thể hiện qua:

– Sử dụng hình ảnh “đám mây mùa hạ” để miêu tả bước đi của mùa thu: gợi liên tưởng đến thời điểm chớm thu, đầu thu.

– Biện pháp tu từ nhân hoá được thể hiện qua những từ ngữ “vắt nửa mình”: miêu tả sinh động khoảnh khắc giao mùa cực kì ngắn ngủi của thiên nhiên, đem đến cho người đọc cảm nhận thu đến rất nhanh và dường như dư âm của mùa hè chưa kịp tan biến mà đang lẩn khuất, hiện hữu trong buổi đầu thu ấy.

b. Đây là câu hỏi mở, HS có thể trả lời: bức tranh miêu tả tình thế khoảnh khắc đất trời chuyển từ hè sang thu. Bức tranh ấy được miêu tả sinh động, gợi cảm bằng tất cả các giác quan như: thị giác, thính giác, khứu giác,... Sự vật được tác giả miêu tả trong trạng thái “động”, tất cả đang ở trong trạng thái

nửa lưu luyến mùa hạ, nửa háo hức, xôn xao với sự hiện diện của mùa thu. Bức tranh ấy vì thế dường như mang cả tâm trạng của nhà thơ trước khoảnh khắc giao mùa.

c. Đây là câu hỏi mở. HS có thể lựa chọn một hình ảnh bất kì từ văn bản nhưng cần lí giải thuyết phục nét độc đáo của hình ảnh ấy trong việc miêu tả tinh tế và tài tình khoảnh khắc đất trời chuyển mình sang thu.

d. Trong hai dòng thơ “*Bỗng nhận ra hương ổi/ Phả vào trong gió se*”, không thể thay thế từ “bỗng” bằng từ “đã” vì:

– Từ “bỗng”: diễn tả một hành động/ quá trình xảy ra một cách tự nhiên, không ngờ, không lường trước được.

– Từ “đã”: biểu thị sự việc/ hiện tượng nói đến xảy ra trước hiện tại hoặc trước một thời điểm nào đó được xem là mốc.

Trong ngữ cảnh của văn bản *Sang thu*, từ “đã” không diễn tả được sự bất ngờ, ngạc nhiên đầy thú vị của tác giả khi đột nhiên nhận ra sự hiện diện của hương ổi – tín hiệu mùa thu trong không gian. Điều đó chứng tỏ mùa thu chỉ mới chớm đến, đến một cách rất nhanh và đột ngột nên đem đến cảm xúc đầy ngỡ ngàng xen lẫn thích thú của tác giả. Đồng thời đây là bài thơ miêu tả khoảnh khắc chuyển mình sang thu của đất trời nên nếu dùng từ “đã” thì không phù hợp với nội dung chính của toàn văn bản vì từ “đã” lại khẳng định sự hiện diện một cách trọn vẹn của mùa thu trong không gian ấy. Khoảnh khắc chuyển từ hè sang thu vì thế đã hoàn tất nếu dùng từ “đã”; còn ở đây tất cả đều chỉ mới bắt đầu.

6.

a. Thể thơ năm chữ.

b. Đặc điểm vần và nhịp của bài thơ *Về mùa xoài mẹ thích*:

– Vần: vần chân (con – tròn, ý – nghĩ, mẹ – bé, vàng – sang).

– Nhịp: ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3.

c. Một số từ ngữ miêu tả hình ảnh quả xoài của mẹ qua cách nhìn, cách cảm của người con: *hương thơm chín nức, quả bé tròn tròn, ngọt lịm, xoài mang hình quả tim, hột xoài trong suốt – hạt mưa đầu mùa, vỏ xoài – cánh hoàng lan*. Tất cả các hình ảnh ấy đều rất đẹp đẽ và ngọt ngào. Tác dụng:

– Góp phần khắc hoạ hình ảnh mộc mạc, thân thương của “quả xoài xưa Mẹ thích”.

– Tất cả những hình ảnh ấy được hiện lên qua sự hoài niệm ngọt ngào của người con. Điều đó cho thấy những gì thuộc về mẹ là một vùng kí ức ngọt ngào, thiêng liêng đối với tác giả. Qua đó, người đọc cũng cảm nhận rõ hơn về những tình cảm yêu thương, trân quý của một đứa con dành cho mẹ.

d. Hình ảnh “*trái xoài già rụng cuống*” là hình ảnh ẩn dụ gợi liên tưởng tới sự ra đi của mẹ. Hình ảnh trái xoài ấy gắn liền với những kí ức ngọt ngào về mẹ. Vì vậy khi sử dụng hình ảnh ấy để diễn tả sự ra đi của mẹ, tác giả đem đến cho người đọc sự hình dung rõ nét về nỗi đau, niềm tiếc thương và cả sự hụt hẫng, mất mát những kí ức rất đẹp của chính bản thân mình.

đ. Hình ảnh người mẹ hiền hậu, dịu dàng, lam lũ cả đời, chắt chiu khó nhọc vì con và đặc biệt là rất gần gũi, thương yêu con cái. Điều đó được tác giả thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh như: “*xoài mang hình quả tim – đẩy lòng Mẹ ngọt mềm*”, “*Nghe hương xoài bay theo/ từng bước chân của Mẹ/ thom lựng vào lời kể/ những câu chuyện đời xưa*”,...

e. Qua việc hồi tưởng về những kí ức gắn liền với cây xoài của mẹ, tác giả thể hiện sự yêu thương, kính trọng dành cho người mẹ của mình và cả những tiếc nuối, hụt hẫng, buồn bã trước sự ra đi của mẹ.

– Thông điệp: Kí ức ngọt ngào, quý giá về những người thân yêu có thể gắn liền với những điều thật giản dị, gần gũi, nhỏ bé,...

7.

a. Bài thơ miêu tả cuộc sống của những chú bé mục đồng trong thời điểm từ đêm đến bình minh. Các từ ngữ, hình ảnh miêu tả đêm: *đêm nhóm lửa hồng, thia lia sao xa*,...; miêu tả bình minh: *tù và đã rúc, đánh thức bình minh, kéo ông mặt trời lên*,...

b. Bức tranh cuộc sống của mục đồng đã được tác giả miêu tả bằng những hình ảnh: *dãi nắng, vàng hoe tóc bông, đêm nhóm lửa hồng, nằm nghe gió thổi, thia lia sao xa*,...

– Bức tranh đó gợi tả cuộc sống mục đồng vất vả nhưng có những niềm vui bình dị mà không phải ai cũng được hưởng (nằm trên bãi cát, ngắm sao, ăn ngô nướng,...), gợi tả tâm hồn đẹp, trí tưởng tượng phong phú của những cậu bé mục đồng.

c. Cách gieo vần: vần chân (vần liền, vần cách), vần chính, vần thông. Cách ngắt nhịp của bài thơ *Mục đồng ngủ trên cát trắng* là 2/2. Riêng ba dòng cuối được ngắt dòng đặc biệt và có nhịp đặc biệt:

Dê.../

Cừu.../

bứt cọng năng/

Kéo/ ông mặt trời lên.

d. Tác giả thể hiện tình cảm yêu quý chú bé mục đồng. Tình cảm đó được thể hiện gián tiếp qua cách miêu tả cuộc sống của chú bé, qua những câu thơ như: “*Suốt ngày dãi nắng/ Vàng hoe tóc bông*”.

đ. Biện pháp tu từ được sử dụng: so sánh (*hạt bắp nương – (chín căng như) giọt sương*; *một hòn than nổ – (bung xoè sáng như) vì sao băng*).

– Tác dụng: Khiến cho việc miêu tả cuộc sống của các mục đồng thêm thi vị, khoáng đạt, gần gũi với thiên nhiên dù đạm bạc, đơn sơ; góp phần thể hiện tâm trạng đầy sự hào hứng, thích thú với cuộc dạo chơi giữa thiên nhiên.

e. Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc là hãy lắng nghe, tận hưởng vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên và cuộc sống.

II. TIẾNG VIỆT

1. Hoàn thành những thông tin về **phó từ** trong bảng sau:

Phó từ	Những thông tin cần lưu ý
Vị trí trong câu	Luôn đi kèm trước danh từ hoặc đi kèm trước/ sau động từ, tính từ.
Chức năng	– Khi đứng trước danh từ, phó từ bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ. – Khi đứng trước động từ, tính từ, phó từ thường bổ sung cho hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất được nêu ở động từ, tính từ một số ý nghĩa như: quan hệ thời gian, mức độ, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến,... – Khi đứng sau động từ, tính từ, phó từ thường bổ sung cho động từ, tính từ đó một số ý nghĩa như: mức độ, khả năng, kết quả và phương hướng,...

Lưu ý khi sử dụng trong giao tiếp	– Khi nói và viết nên dùng: + Phó từ ở trước danh từ để làm cho sự vật, sự việc, hiện tượng được nêu ở danh từ trở nên rõ nghĩa về số lượng. + Phó từ ở trước hoặc sau động từ, tính từ để làm cho hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất được nêu ở động từ, tính từ trở nên rõ nghĩa. → Đó cũng là cách mở rộng thành phần chính của câu, làm cho thông tin của câu trở nên rõ ràng, cụ thể và chi tiết. – Khi đọc và nghe, cần chú ý đến sự xuất hiện của các phó từ ở trước danh từ hoặc trước/ sau động từ, tính từ vì các phó từ ấy có thể biểu thị ý nghĩa bổ sung cho nội dung thông tin về sự vật, sự việc, hiện tượng được nêu ở danh từ hoặc hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất được nêu ở động từ, tính từ.
-----------------------------------	--

2.

Câu	Phó từ	Ý nghĩa bổ sung cho động từ/ tính từ
a	<i>thường những</i>	<i>Thường</i> bổ sung cho động từ <i>nhốt</i> ý nghĩa: thời gian. <i>Những</i> bổ sung cho danh từ <i>nhánh</i> ý nghĩa: số lượng.
b	<i>đều</i>	Bổ sung cho động từ <i>có</i> ý nghĩa: tính đồng nhất về trạng thái của nhiều đối tượng.
c	<i>quá sắp</i>	<i>Quá</i> bổ sung cho động từ <i>lo</i> ý nghĩa: mức độ. <i>Sắp</i> bổ sung cho động từ <i>ăn</i> ý nghĩa: thời gian.
d	<i>lắm chẳng được</i>	<i>Lắm</i> bổ sung cho tính từ <i>khổ</i> ý nghĩa: mức độ. <i>Chẳng</i> bổ sung cho động từ <i>để dành</i> ý nghĩa: phủ định. <i>Được</i> bổ sung cho động từ <i>để dành</i> ý nghĩa: hành động vừa nói đến đã đạt được kết quả.
đ	<i>lại</i>	Bổ sung cho động từ <i>xoay</i> ý nghĩa: lặp lại.

III. VIẾT

1. Trả lời dựa vào SGK.

2. Trả lời dựa vào SGK.

3.

HS có thể tự thực hiện bài viết theo các bước gợi ý trong SGK *Ngữ văn 7*, tập 1, trang 17, 18. Gợi ý như sau:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

– Xác định đề tài bằng cách trả lời những câu hỏi như: *Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì? Kiểu bài nào? Độ dài của đoạn văn là bao nhiêu?*

– Thu thập tư liệu bằng cách xác định những thông tin cần tìm và tìm những thông tin ấy ở đâu?

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý bằng cách:

- Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để cảm nhận âm thanh, vần, nhịp điệu của bài thơ và xác định những cảm xúc mà văn bản đã gợi cho em.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, những biện pháp tu từ mà tác giả bài thơ đã sử dụng.

- Xác định chủ đề của bài thơ.

- Lí giải vì sao em có cảm xúc đặc biệt với bài thơ.

- Viết nhanh dưới dạng cụm từ thể hiện những ý tưởng trên.

Lập dàn ý: Hãy sắp xếp những ý đã nêu thành dàn ý của đoạn văn theo mẫu gợi ý trong SGK.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần bảo đảm các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Dựa vào bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.

IV. NÓI VÀ NGHE

Bước 1: Nghe ý chính và ghi tóm tắt



Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa

- *Ý nghĩa bước 1:* Chú ý lắng nghe thì mới hiểu được ý người nói, không ghi tóm tắt thì không nhớ được ý chính.
- *Ý nghĩa bước 2:* Đọc lại, trao đổi với người nói và chỉnh sửa để đảm bảo bản ghi tóm tắt thể hiện đúng ý người nói.



Bài 2

BÀI HỌC CUỘC SỐNG

(Truyện ngụ ngôn)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Đọc hai văn bản *Thỏ và rùa*, *Chuyện bó đuũa* và trả lời các câu hỏi phía dưới:

THỎ VÀ RÙA

Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mũi con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì dần lòng trước sự khoe khoang của thỏ.

Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:

– Đừng có đùa dai! Bạn không biết là tôi có thể chạy cả chục vòng quanh bạn hay sao.

Rùa mỉm cười:

– Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.

Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu.

Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các thú khác ở dọc đường cổ vũ¹.

Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nhân tiện điếu² chơi cho đỡ ghét. Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa thêm thiếp vừa lẩm bầm:

– Ta cứ chờ mắt một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát xuống ta sẽ chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!

Thế rồi nó dạn chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới.

¹ Cổ vũ: tác động, khích lệ tinh thần; làm cho hăng hái, phấn chấn và hoạt động tích cực hơn lên.

² Điếu: chế nhạo, làm cho đối phương cảm thấy hổ thẹn.

Nó bỏ qua chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được mức cuối. Tiếng reo hò náo nhiệt.

Lúc đó, con thỏ vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.

CHUYỆN BÓ ĐŨA

Ngày xưa, có ông lão nông dân nọ rất thông minh. Ông rất buồn vì thấy trong gia đình, các con ông hay cãi cọ với nhau. Ông cố khuyên nhủ, nhưng vô ích.

Một hôm, nằm trên giường bệnh, ông gọi các con lại. Ông buộc đũa thành một bó, để trước mặt các con. Sau đó, ông truyền cho mỗi đứa đến bẻ bó đũa ra làm đôi, nhưng không đứa nào bẻ nổi. Cuối cùng, ông cời bó đũa ra, đưa cho mỗi đứa một chiếc. Ai nấy bẻ gãy dễ dàng.

Mấy đứa con nhìn nhau, không biết người cha có ý nói gì. Ông già nghiêm nghị bảo:

– Các con yêu dấu! Bao giờ các con còn đoàn kết như bó đũa này thì không kẻ thù nào làm hại được các con. Nhưng nếu các con cứ chia rẽ và cãi vã, thì các con sẽ sớm bị tiêu diệt¹.

(158 Truyện Ngụ ngôn Aesop, Phan Như Huyền, 1995,

<https://sites.google.com/site/158truyenngungonaesop/131---150>)

- Nêu các đặc điểm chính của truyện ngụ ngôn được thể hiện trong văn bản trên.
- Sau khi đọc truyện *Thỏ và rùa*, một số bạn cho rằng, việc rùa thắng thỏ là khó xảy ra trong thực tế (nếu không phải vậy thì đã chẳng có câu: “Chậm như rùa!”). Các bạn khác lại cho rằng việc rùa thắng thỏ là xứng đáng và rất thuyết phục. Em đồng tình với ý kiến nào? Vì sao?
- Một số bạn băn khoăn không dám chắc *Chuyện bó đũa* là truyện ngụ ngôn hay là truyện cổ tích. Nếu được các bạn ấy hỏi ý kiến trong việc xác định thể loại, em sẽ trả lời các bạn thế nào?
- Theo em, cách kết thúc của hai văn bản *Chuyện bó đũa* và *Hai người bạn đồng hành và con gấu* có điểm gì giống nhau? Điểm giống nhau

¹ Tiêu diệt: làm cho chết hoặc mất hẳn khả năng hoạt động.

ấy giúp em rút ra lưu ý gì khi đọc các truyện ngụ ngôn có cách kết thúc tương tự?

- đ. Dựa vào các thông tin (*tình huống, tác dụng, bài học*) trong bảng dưới đây đối với truyện *Thỏ và rùa*, hãy hoàn tất các thông tin đối với truyện *Chuyện bó đuă*:

Nội dung	<i>Thỏ và rùa</i>	<i>Chuyện bó đuă</i>
Tình huống	Bị thỏ chê là chậm chạp, rùa thách thỏ chạy thi trước sự chứng kiến của bá thú. Thỏ ý mình chạy nhanh, xem thường đối thủ nên thua cuộc; rùa chăm chỉ chạy hết sức mình nên đã chiến thắng.	
Tác dụng	Thể hiện sự kiêu ngạo, khinh thường đối thủ của thỏ; sự cẩn mẫn, chăm chỉ và tự tin của rùa. Thể hiện bài học mà câu chuyện muốn đề cập qua thất bại của thỏ và chiến thắng của rùa.	
Bài học	Sự chăm chỉ, cẩn mẫn, tự tin có thể làm nên chiến thắng. Chậm mà chắc và tự biết sức mình, hơn nhanh mà ỷ lại, kiêu ngạo; cần phải biết người biết ta;...	

- e. Dựa vào bảng dưới đây, tóm tắt tình huống truyện, chuỗi sự kiện được kể (cốt truyện), bài học ứng xử trong truyện *Chuyện bó đuă*:

Nội dung	<i>Thỏ và rùa</i>	<i>Chuyện bó đuă</i>
Tình huống	Thỏ và rùa thách nhau chạy thi. Thỏ ý mình chạy nhanh, xem thường đối phương nên thua cuộc; rùa chăm chỉ chạy hết sức mình nên đã chiến thắng.	

Chuỗi sự kiện (cốt truyện)	– Thỏ vốn khinh thường rùa và chê rùa chậm chạp. Rùa công khai thách thỏ chạy thi và cuộc thi được tiến hành trước sự chứng kiến của bá thú. – Vào cuộc thi, rùa cẩn mẫn chăm chỉ. – Thỏ ý mình chạy nhanh cứ nhõn nhợ, trêu chọc rùa, thậm chí lại còn ngủ một giấc ngon lành. – Lúc thỏ tỉnh dậy thì rùa đã về đích. Biết mình thua cuộc không thể chối cãi, thỏ ta xấu hổ lánh mặt vào rừng.	
Bài học	Chăm chỉ sẽ giúp đến đích sớm hơn; hơn thua ở việc làm, hành động thực tế, không ở lời nói suông;...	

g. Có bạn cho rằng: bài học vẫn không có gì thay đổi, nếu thay hai nhân vật thỏ và rùa trong truyện bằng hai nhân vật đều là thỏ hoặc hai nhân vật đều là rùa chạy thi với nhau; và vì một lí do nào đó, con vật tưởng là yếu hơn, chậm hơn đã giành chiến thắng. Em có đồng ý như vậy không? Vì sao?

2. Đọc văn bản *Con cáo và quả nho* và trả lời các câu hỏi phía dưới:

CON CÁO VÀ QUẢ NHO

Một hôm, có con cáo kia vừa đói bụng vừa khát nước. Nó lên vào vườn nho để ăn trộm. Vườn nho đầy những trái bóng mọng, lủng lẳng trên giàn, nhưng lại quá cao. Cáo nhảy lên rớt xuống cả chục lần mà vẫn không bắt được một chùm thấp nhất. Cuối cùng, nó bước đi và lẩm bẩm:

– Ai mà thèm những trái nho xanh lè đó. Chua lắm! Không chừng lại có cả sâu trong đó nữa.

(158 Truyện Ngụ ngôn Aesop, Phan Như Huyền, 1995,

<https://sites.google.com/site/158truyenngungongonaesop/131---150>)

a. Tóm tắt tình huống truyện, chuỗi sự kiện (cốt truyện) truyện *Con cáo và quả nho* và hoàn thành theo mẫu bảng dưới đây. Dựa vào các bài tập mà em đã thực hiện, cho biết: việc tóm tắt tình huống truyện với tóm tắt chuỗi sự kiện (cốt truyện) khác nhau như thế nào?

Nội dung	<i>Con cáo và quả nho</i>
Tình huống	
Chuỗi sự kiện (cốt truyện)	

b. Trong khi chứng minh về tính ngắn gọn hàm súc của truyện ngụ ngôn, nhiều ý kiến thống nhất rằng các truyện *Hai người bạn đồng hành và con gấu*, *Con cáo và quả nho* là những truyện tiêu biểu. Nhưng khi cần xác định trong hai truyện này, truyện nào ngắn gọn hơn, ý kiến chưa ngã ngũ. Theo em, cần thực hiện việc so sánh như thế nào để kết luận đưa ra thuyết phục được mọi người?

c. Giả sử những quả nho trong truyện *Con cáo và quả nho* biết nói, theo em chúng sẽ nói gì với con cáo hoặc với chính mình trong trường hợp này?

3. Dựa vào bảng sau, xác định tình huống truyện, bài học, tác dụng của tình huống trong việc thể hiện bài học trong các truyện *Hai người bạn đồng hành và con gấu*, *Chó sói và chiên con*:

Nội dung	<i>Hai người bạn đồng hành và con gấu</i>	<i>Chó sói và chiên con</i>
Tình huống truyện		
Bài học		
Tác dụng của tình huống truyện (trong việc thể hiện bài học)		

4. Thể hiện cách đọc sáng tạo về một truyện ngụ ngôn đã học, đã đọc bằng cách làm một bài thơ (lục bát, bốn chữ, năm chữ, song thất lục bát,...) hoặc vẽ một bức tranh.

5. Vận dụng cách nói thú vị, hài hước để kể lại truyện ngụ ngôn *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*.

II. TIẾNG VIỆT

1. Nêu các công dụng của dấu chấm lửng và nêu ví dụ minh họa theo mẫu bảng dưới đây (làm vào vở):

TT	Công dụng	Ví dụ minh họa
1		
2		
3		
4		
5		

2. Đọc đoạn văn sau:

Trường đua lập tức được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó vươn cổ hú lên ba tiếng:

– Hu...u...uét! Hu...u...uét! Hu...u...uét!

Thế là cuộc thi bắt đầu.

Dấu chấm lửng trong trường hợp trên được dùng với công dụng nào trong các công dụng dưới đây:

TT	Các công dụng	Công dụng trong đoạn văn
1	Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.	
2	Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.	
3	Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.	

4	Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.	
5	Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.	

3. Đoạn văn ở bài tập 2 nhắc em nhớ đến đoạn nào trong truyện *Thỏ và rùa*? Hãy chép lại nguyên văn đoạn văn ấy trong *Thỏ và rùa* và so sánh với đoạn văn trên đây. Em thích cách kể chuyện trong đoạn văn nào hơn? Vì sao?

4. Đoạn văn ở bài tập 2 và 3 trên đây cho thấy: đối với các văn bản kể chuyện hàm súc, ngắn gọn như truyện ngụ ngôn, ta có thể chỉnh sửa và sử dụng bổ sung dấu chấm lửng ở một số vị trí thích hợp để tăng thêm sức biểu đạt cho từ ngữ, câu văn hay tạo thêm không khí cho câu chuyện. Với mục đích tương tự, em hãy bổ sung, chỉnh sửa các đoạn văn dưới đây thành những đoạn văn có sử dụng dấu chấm lửng, đồng thời chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng trong mỗi trường hợp:

a. *Thế rồi nó dạng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới. (Thỏ và rùa)*

b. *Sau đó, ông truyền cho mỗi đứa đến bẻ bó đuốt ra làm đôi, nhưng không đứa nào bẻ nổi. (Chuyện bó đuốt)*

c. *Cáo nhảy lên rút xuống cả chục lần mà vẫn không bắt được một chùm thắp nhất. (Con cáo và quả nho)*

d. *– Ai mà thềm những trái nho xanh lè đó. Chưa lắm! Không chừng lại có cả sâu trong đó nữa. (Con cáo và quả nho)*

5. Thay thế mỗi từ ngữ in đậm trong các đoạn văn dưới đây bằng một vài từ ngữ khác; so sánh mức độ phù hợp của các từ ngữ được thay thế với các từ ngữ in đậm và nhận xét về cách lựa chọn từ ngữ của tác giả dân gian trong mỗi đoạn:

– **nhàng nháo:**

Quen thói cũ, ếch nhên nhàng đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp. Nó nhàng nháo đưa mắt lên nhìn bầu trời, chả thềm để ý chung quanh nên đã bị một con trâu đi qua dẫm bẹp.

(Ếch ngồi đáy giếng)

– **sờ:**

Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi dừng lại để cùng xem. Thầy thì **sờ** vòi, thầy thì **sờ** ngà, thầy thì **sờ** tai, thầy thì **sờ** chân, thầy thì **sờ** đuôi.

(Thầy bói xem voi)

– **cười mũi, dẫn lòng:**

Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng **cười mũi** con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì **dẫn lòng** trước sự khoe khoang của thỏ.

(Thỏ và rùa)

– **truyền:**

Ông buộc đĩa thành một bó, để trước mặt các con. Sau đó, ông **truyền** cho mỗi đứa đến bẻ bó đĩa ra làm đôi, nhưng không đứa nào bẻ nổi.

(Chuyện bó đĩa)

– **lên:**

Một hôm, có con cáo kia vừa đói bụng vừa khát nước. Nó **lên** vào vườn nho để ăn trộm.

(Con cáo và quả nho)

Em có thể sử dụng mẫu bảng dưới đây để thực hiện bài tập trên:

TT	Từ ngữ trong văn bản	Từ ngữ thay thế	Nhận xét
1	nhâng nháo (Ếch ngồi đáy giếng)		
2	sờ (Thầy bói xem voi)		
3	cười mũi (Thỏ và rùa)		
4	dẫn lòng (Thỏ và rùa)		
5	truyền (Chuyện bó đĩa)		
6	lên (Con cáo và quả nho)		

6. Viết lại truyện *Con cáo và quả nho* với độ dài khoảng 150 – 200 chữ, có sử dụng dấu chấm lửng, trong đó người kể chuyện là quả nho hoặc con cáo.

III. VIẾT

1. Khi viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử, em cần đáp ứng những yêu cầu nào đối với kiểu bài?
2. Nhận xét về mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với kiểu bài của văn bản *Thăm đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang*.
3. Thực hiện các yêu cầu dưới đây với đề bài: Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện trong công cuộc khai khẩn mở mang vùng đất mới hay phát triển ngành nghề truyền thống tại địa phương mà em biết:
 - a. Xác định đề tài và nêu cách thu thập tư liệu đối với đề bài.
 - b. Đặt một số câu hỏi để tìm ý cho bài viết theo yêu cầu của đề bài.
 - c. Lập dàn ý cho bài viết và tự nhận xét về mức độ phù hợp giữa dàn ý với yêu cầu của đề bài.
 - d. Viết đoạn văn mở bài và đoạn văn khoảng 200 chữ triển khai một ý chính trong phần thân bài.
 - đ. Dựa vào bảng kiểm trong SGK để đánh giá, nhận xét hai đoạn văn đã viết và rút kinh nghiệm để viết các đoạn còn lại nhằm hoàn chỉnh bài viết khi có điều kiện.

IV. NÓI VÀ NGHE

Thực hiện các yêu cầu về nói và nghe nêu phía dưới với đề bài: *Kể lại một truyện ngụ ngôn mà theo em là vừa sâu sắc vừa thú vị, hài hước.*

1. Chọn một truyện ngụ ngôn đáp ứng được yêu cầu của đề bài trên và cho biết truyện được chọn nhằm nêu lên bài học gì, sự thú vị, hài hước toát ra từ đâu?
2. Kể lại truyện ngụ ngôn đã chọn sao cho thú vị, hài hước.
3. Sau khi kể, cho biết em đã cố gắng thể hiện bài học và sự thú vị, hài hước của câu chuyện bằng cách nào?

4. Nhận xét về mức độ đáp ứng yêu cầu của đề bài qua phân trình bày câu chuyện của bạn khác.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1.

a. Em có thể dựa vào *Tri thức Ngữ văn* (các mục từ: *truyện ngụ ngôn, cốt truyện, tình huống nhân vật, không gian, thời gian,...* trong truyện ngụ ngôn) cùng những hiểu biết của mình qua thực hành đọc hiểu truyện ngụ ngôn để thực hiện yêu cầu này.

b.

– Trước các ý kiến tranh luận, em cần định hướng ý kiến của mình theo ba khả năng:

- + Khẳng định, đồng tình với ý kiến của bên thứ nhất, nếu ý kiến này đúng.
- + Khẳng định, đồng tình với ý kiến của bên thứ hai, nếu ý kiến này đúng.
- + Khẳng định, đồng tình phản đúng và bác bỏ phần chưa đúng trong ý kiến của mỗi bên.

– Theo đó, để đưa ra được ý kiến riêng của mình trong trường hợp này, em cần lần lượt xét xem:

- + Ý kiến mà mỗi bên nêu lên đã chặt chẽ, thuyết phục chưa?
- + Về thực chất, ý kiến của hai bên có khác biệt theo kiểu trái ngược nhau không?

– Từ việc xem xét đó nhận ra mỗi ý kiến có thể có ý đúng nhưng chưa thuyết phục do có sự lầm lẫn hoặc thiếu chặt chẽ do cách diễn đạt hoặc thiếu lí lẽ, bằng chứng.

Chẳng hạn:

- + Việc đồng nhất nhân vật thỏ, rùa trong truyện ngụ ngôn (thường được hư cấu, phóng đại,...) với hình ảnh thỏ, rùa ngoài đời thực là sai lầm (ý kiến thứ nhất).

+ Việc cho rằng rùa thắng thỏ là “xứng đáng và rất thuyết phục” nhưng lại không nói rõ “trong truyện ngụ ngôn *Thỏ và rùa*” hay trong đời thực là không chặt chẽ; không đưa ra lí lẽ, bằng chứng nên chưa thuyết phục (ý kiến thứ hai).

– Kết luận của em có thể đưa ra theo hướng: Đồng tình với ý kiến thứ hai nhưng đưa thêm lí lẽ, bằng chứng và diễn đạt sao cho chặt chẽ hơn.

c.

– Em có thể dựa vào các mục từ trong *Tri thức Ngữ văn* liên quan đến hai thể loại truyện ngụ ngôn và truyện cổ tích (đã học ở lớp 6) để thực hiện yêu cầu của câu hỏi.

– Về cách thức, tùy theo đối tượng em có thể trả lời ngắn gọn theo cách thông thường, hoặc thực hiện theo hai bước:

Bước 1: Sử dụng một bảng so sánh đối chiếu các đặc điểm, yếu tố chính của hai thể loại giúp bạn phân biệt rõ hai thể loại.

Bước 2: Đối chiếu đặc điểm truyện ngụ ngôn với *Chuyện bó đuă* để giúp bạn nhận ra đây là truyện ngụ ngôn, không phải truyện cổ tích (cũng cần lưu ý phân biệt *truyện cổ tích* với *truyện cổ*).

Lưu ý: Bài tập không chỉ yêu cầu đưa ra câu trả lời mà còn yêu cầu nêu lên được cách em trả lời bản thảo của bạn.

d.

– Em cần đọc lại hai truyện, chú ý phần kết thúc:

+ Cuối truyện *Hai người bạn đồng hành và con gấu* có cuộc đối thoại giữa hai người bạn và kết thúc truyện là câu trả lời bất ngờ của người bạn suýt bị gấu vồ chết trong gang tấc:

“... người trên cây trèo xuống gặp bạn, cười và nói rằng: “Ông Gấu thì thắm với cậu điều gì đó?”

“Ông ấy bảo tớ rằng”, người kia nói, “không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn.”

+ Cuối truyện *Chuyện bó đuă* là lời khuyên dạy của người cha đối với những người con:

“– Các con yêu dấu! Bao giờ các con còn đoàn kết như bó đuă này thì không kẻ thù nào làm hại được các con. Nhưng nếu các con cứ chia rẽ và cãi vã, thì các con sẽ sớm bị tiêu diệt.”

– Kết luận mà em cần nêu lên là:

+ Hai truyện giống nhau ở chỗ bài học của truyện được nêu lên bằng một câu nói của nhân vật ở cuối truyện.

+ Điều này cho thấy: một trong những cách nêu bài học ở truyện ngụ ngôn là sử dụng một lời thoại của nhân vật ở phần kết thúc truyện. Vậy khi đọc một số truyện ngụ ngôn có cấu trúc tương tự, người đọc có thể dựa vào lời thoại của nhân vật để rút ra bài học mà tác giả gửi gắm.

đ.

– Em cần đọc kĩ ví dụ (cột bên trái) về cách tóm tắt *tình huống, tác dụng, bài học* trong truyện *Thỏ và rùa* để thực hiện yêu cầu của đề bài đối với truyện *Chuyện bó đuă*.

– *Tình huống, tác dụng, bài học* trong *Chuyện bó đuă* có thể tóm tắt trong sự đối chiếu với các yếu tố này trong truyện *Thỏ và rùa* qua bảng sau:

Nội dung	<i>Thỏ và rùa</i>	<i>Chuyện bó đuă</i>
Tình huống	Bị thỏ chê là chậm chạp, rùa thách thỏ chạy thi trước sự chứng kiến của bá thú. Thỏ ý mình chạy nhanh, xem thường đối thủ nên thua cuộc; rùa chăm chỉ chạy hết sức mình nên đã chiến thắng.	Người cha đưa cho các con cả bó đuă yêu cầu bẻ làm đôi, không ai có thể bẻ gãy; sau lại đưa cho các con từng chiếc đuă riêng lẻ thì họ bẻ gãy dễ dàng. Từ chuyện bó đuă, ông khuyên các con đoàn kết, thương yêu để không bao giờ bị tiêu diệt.

Tác dụng	– Thể hiện sự kiêu ngạo, khinh thường đối thủ của thỏ; sự cẩn mẫn, chăm chỉ và tự tin của rùa. – Thể hiện bài học mà câu chuyện muốn đề cập qua thất bại của thỏ và chiến thắng của rùa.	– Thể hiện sự từng trải, khôn khéo của người cha trong việc mượn sự yếu ớt của chiếc đuă và sức mạnh của bó đuă để khuyên dạy con. – Thể hiện bài học một cách giản dị, thuyết phục về sức mạnh đoàn kết từ “chuyện bó đuă”.
Bài học	– Sự chăm chỉ, cẩn mẫn, tự tin có thể làm nên chiến thắng. – Chậm mà chắc và tự biết sức mình, hơn nhanh mà ỷ lại, kiêu ngạo; cần phải biết người biết ta;...	– Đoàn kết làm nên sức mạnh; “ba cây chụm lại thành hòn núi cao”;... – Sự tương trợ nhau làm nên chỗ dựa vững vàng cho mọi thành viên trong gia đình;...

e. Có thể tóm tắt tình huống truyện, chuỗi sự kiện được kể (cốt truyện), bài học ứng xử trong truyện *Thỏ và rùa*, *Chuyện bó đuă* theo mẫu bảng sau:

Nội dung	<i>Thỏ và rùa</i>	<i>Chuyện bó đuă</i>
Tình huống	Thỏ và rùa thách nhau chạy thi. Thỏ ỷ mình chạy nhanh, xem thường đối phương nên thua cuộc; rùa chăm chỉ chạy hết sức mình nên đã chiến thắng.	Người cha đưa cho các con cả bó đuă yêu cầu bẻ làm đôi, không ai có thể bẻ gãy; sau lại đưa cho các con từng chiếc đuă riêng lẻ, họ bẻ gãy dễ dàng. Từ đó khuyên các con chỉ có đoàn kết mới tránh được mối nguy bị tiêu diệt.
Chuỗi sự kiện (cốt truyện)	– Thỏ vốn khinh thường rùa và chê rùa chậm chạp. Rùa công khai thách thỏ chạy thi và cuộc thi được tiến hành trước sự chứng kiến của bá thú. – Vào cuộc thi, rùa cẩn mẫn chăm chỉ.	– Một người cha có những đứa con hay cãi vã nhau. Ông đã nhiều lần khuyên các con thôi cãi vã nhau, nhưng không được. Khi nằm trên giường bệnh, ông lại tìm cách khuyên con.

	– Thỏ ý mình chạy nhanh cứ nhón nhờ, trêu chọc rùa, thậm chí lại còn ngủ một giấc ngon lành. – Lúc thỏ tỉnh dậy thì rùa đã về đích. Biết mình thua cuộc không thể chối cãi, thỏ ta xấu hổ lánh mặt vào rừng.	– Đầu tiên, ông buộc những chiếc đũa lại với nhau thành một bó rồi truyền cho các con lần lượt bẻ đôi. Không ai bẻ gãy được. – Sau đó ông lại truyền cho các con bẻ đôi từng chiếc đũa; chiếc đũa bị bẻ gãy rất dễ dàng. – Từ chuyện bó đũa, ông già khuyên các con phải đoàn kết để tránh bị tiêu diệt.
Bài học	Chăm chỉ sẽ giúp đến đích sớm hơn; hơn thua ở việc làm, hành động thực tế, không ở lời nói suông;...	Sức mạnh của đoàn kết; “ba cây chụm lại thành hòn núi cao”;...

g.

– Em cần rút ra một số bài học chính từ truyện *Thỏ và rùa*. Chẳng hạn: chăm chỉ sẽ giúp đến đích sớm hơn; hơn thua nhau ở việc làm, hành động thực tế, không ở lời nói suông; kẻ kiêu ngạo, chủ quan sẽ chuốc lấy thất bại,...

– Xem xét, so sánh hai tình huống của truyện chỉ ra điểm giống nhau, điểm khác nhau cơ bản giữa hai tình huống:

A. Hai nhân vật đều là thỏ hoặc hai nhân vật đều là rùa, chạy thi với nhau; và vì một lý do nào đó, con vật tưởng là yếu hơn, chậm hơn đã giành chiến thắng.

B. Thỏ và rùa thách nhau chạy thi; thỏ ý mình chạy nhanh, xem thường đối phương nên thua cuộc; rùa chăm chỉ chạy hết sức mình nên đã chiến thắng.

– Suy nghĩ tìm câu trả lời theo hai hướng:

+ Thay đổi tình huống, nhân vật, nội dung, ý nghĩa của bài học sẽ thay đổi: sẽ có một bài học khác hẳn.

+ Thay đổi tình huống, nhân vật, nội dung, ý nghĩa của bài học có thể không thay đổi nhưng mức độ thấm thía của bài học có thể sẽ giảm đi (hoặc tăng lên).

Kết luận: Với tình huống A, việc thua cuộc trở nên kém bất ngờ, nhục nhã, các bài học nêu lên từ đó (chăm chỉ sẽ giúp đến đích sớm hơn; hơn thua nhau ở việc làm, hành động thực tế, không ở lời nói suông; kẻ kiêu ngạo, chủ quan sẽ chuốc lấy thất bại,...) sẽ không được tô đậm như tình huống B, trở nên kém sâu sắc, thâm thúy.

2.

a. Với yêu cầu thứ nhất, có thể tóm tắt tình huống truyện, chuỗi sự kiện (cốt truyện) truyện *Con cáo và quả nho* như sau:

Nội dung	<i>Con cáo và quả nho</i>
Tình huống	Cáo đang trong cơn đói khát, len vào vườn nho hái trộm nho chín. Giàn nho cao, nhiều lần cố hái nhưng không thể với tới được, cáo tự an ủi mình bằng cách chê nho xanh, chua và có sâu.
Chuỗi sự kiện (cốt truyện)	– Đang đói bụng và khát nước, con cáo len vào vườn nho tìm cách hái trộm. – Nho bóng mọng lủng lẳng trên giàn cao; cáo nhiều lần nhảy lên cố hái nhưng không thể với tới được. – Cáo đành bỏ đi, nhưng vừa đi vừa lẩm bẩm chê nho xanh, chua và có sâu.

Với yêu cầu thứ hai, có thể nêu lưu ý cách tóm tắt tình huống khác với cách liệt kê sự kiện khi tóm tắt cốt truyện ở chỗ: với tình huống, chỉ nêu sự kiện cốt lõi cho thấy tính thể nguyên nhân – kết quả các hành động của nhân vật hướng đến thể hiện bài học của truyện ngụ ngôn.

b. Có nhiều cách xác định, chứng minh, song cách đơn giản, dễ thuyết phục nhất là dựa vào kết quả thống kê nhanh, đối chiếu số câu, số chữ của hai văn bản truyện.

Số câu, chữ	Hai người bạn đồng hành và con gấu	<i>Con cáo và quả nho</i>
Số câu	7	5
Số chữ	126	79

c. Câu hỏi có tính mở, em dựa vào cảm nhận, tưởng tượng của mình khi đọc truyện *Con cáo và quả nho* để đưa ra một vài câu nói của quả nho đáp lại lời cáo hoặc tự nói với chính mình. Chẳng hạn:

“*Cáo lắm bầm:*

– *Ai mà thèm những trái nho xanh lè đỏ. Chưa lắm! Không chừng lại có cả sâu trong đó nữa.*

Quả nho nghĩ bụng:

– *Những anh chàng như cáo mà phải chịu đói khát thật đáng đời.”*

Hoặc:

“*Quả nho nghe cáo lắm bầm, nói rì rào theo gió nhẹ:*

– *Lêu lêu...! Mắc cỡ. Lêu lêu...!”*

3. Trước tiên, em hãy đọc lại hai văn bản truyện: *Hai người bạn đồng hành* và *con gấu*, *Chó sói và chiên con*, sau đó tóm tắt cốt truyện và xác định tình huống truyện.

Gợi ý trả lời:

Nội dung	Hai người bạn đồng hành và con gấu	Chó sói và chiên con
Tình huống truyện	Một con gấu xuất hiện khiến hai người bạn đồng hành hoảng sợ. Một người nhanh chân leo lên cây thoát thân. Người kia chạy không kịp đành nằm im chờ chết. Gấu đến ngửi ngửi anh ta rồi đi. Người thoát thân tò mò hỏi ông gấu nói gì và nhận được câu trả lời vừa là phê phán, vừa là bài học.	Một con sói đang trong cơn đói, muốn ăn thịt chiên con, nhưng lại muốn kiếm cớ làm cho việc ăn thịt chiên trở nên “phải lẽ”. Các lí lẽ sói nêu ra đều quá vô lí, bịa đặt, bị chiên phủ nhận dễ dàng. Cuối cùng sói quy tội: đã là chiên, chó, người thì đều có tội và đều đáng bị sói ăn thịt.
Bài học	– Không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn. – Bỏ mặc bạn bè trong hoạn nạn là ích kỉ, xấu xa.	– Kẻ mạnh thường nói càn. – Lí lẽ của kẻ yếu không bằng móng vuốt kẻ mạnh. – Khi kẻ mạnh, kẻ ác lộng hành, lẽ phải, công lí sẽ bị chà đạp.

Tác dụng của tình huống truyện (trong việc thể hiện bài học)	Làm cho câu chuyện bất ngờ, hồi hộp gây ấn tượng mạnh, từ đó nhấn mạnh bài học về việc nhìn nhận con người.	Tô đậm tính cách độc ác, hung hãn, bất chấp lễ phải của sói, làm cho sự việc trở nên hài hước và bài học cảnh báo trở nên sâu sắc, nhức nhối hơn.
---	---	---

4. Lấy cảm hứng từ một truyện ngụ ngôn đã học, đã đọc, dựa vào cảm nhận, trải nghiệm của bản thân để chọn một cách thể hiện sự sáng tạo của mình theo gợi ý của đề bài:

- Làm một bài thơ (lục bát, bốn chữ, năm chữ, song thất lục bát,...).
- Vẽ một bức tranh.

Nếu em không có khả năng vẽ tranh thì làm bài thơ theo một thể thơ nào đó. Có thể tham khảo một số bài thơ dưới đây:

Con cáo và chùm nho

Thái Bá Tân

Một con cáo đang khát

Bỗng thấy một chùm nho

Một chùm nho vừa chín

Quả rất mọng và to

Nó nhảy lên, định hái

Mà nho lại quá cao

Rồi thử mấy lần nữa

Tiếc là chẳng lần nào

Với được chùm nho ấy

Cuối cùng đành bỏ đi

Vừa đi, nó vừa nghĩ:

“Nho còn xanh, ngon gì!”

...

(In trong Thái Bá Tân, *Ngụ ngôn Ê-dốp bằng thơ*, NXB Kim Đồng, 2015)

Con cáo và chùm nho

Thấy chùm nho mọng trên giàn
Cáo tìm mọi cách hái ăn đỡ thèm
Nhảy lên tụt xuống mấy phen
Bực mình chẳng được, cáo bèn chê bôi:
– Nho còn xanh quá đi thôi...

Con cáo và chùm nho

Chó sói kia ở nơi rừng ấy,
Đương đói lòng lại thấy giàn nho.
Mấy chùm vừa chín vừa to,
Nước da đỏ thắm, thơm tho ngọt ngào.
Cậu sói cũng ước ao được bữa,
Nhưng giàn cao không với đến nơi.
Chê bai sói lại được lời:
– Nho xanh chẳng xứng miệng người phong lưu.

Con quạ và cái bình

Con quạ khôn ngoan

Nó đang khát nước

Quạ tìm kiếm được

Bình nước trên sân.

Nó bay lại gần

Đáy bình có nước

Làm sao với được

Cổ khát lắm rồi

Quạ đi tìm tòi

Tha từng viên sỏi

Thả cho nước nổi

Dâng dần lên cao

*Quạ thò đầu vào
Tha hồ uống nước.*

(Tập truyện thơ ngụ ngôn, Lev Tolstoy, Tập 1,
<http://forums.vinagames.org/showthread.php?t=26546>)

5. Để đáp ứng yêu cầu vận dụng cách nói thú vị, hài hước khi kể lại truyện ngụ ngôn *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*, em cần:

– Xem lại các bài thực hành nói và nghe: *Kể lại một truyện ngụ ngôn, Sử dụng và thưởng thức cách nói hài hước thú vị trong giao tiếp.*

– Cố gắng:

+ *Tô đậm yếu tố, tính chất hài hước một cách bất ngờ trong câu chuyện được kể.*

+ *Sử dụng hình thức chế, nhại* (chế, nhại từ ngữ, câu nói của một nhân vật mà sự phê phán hướng đến trong câu chuyện một cách nhả nhặn).

+ *Sử dụng một số biện pháp diễn đạt hài hước*: chơi chữ, nói quá, so sánh, dùng câu nói hài hước học được từ người khác.

II. TIẾNG VIỆT

1. Dựa vào *Tri thức Ngữ văn*, điền tên các công dụng theo thứ tự vào cột bên trái, nhắc lại các ví dụ đã nêu trong SGK ở cột bên phải:

TT	Công dụng	Ví dụ minh họa
1	Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.	<i>Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên,...</i>
2	Thể hiện chỗ lời nói bỏ dỏ hay ngập ngừng, ngắt quãng.	<i>– Bởi vì... bởi vì... (San cúi mặt và bỏ tiếng Nam, dùng tiếng Pháp) người ta lừa dối anh.</i>
3	Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.	<i>Thấy Lí cũng xoè năm ngón tay trái úp lên trên năm ngón tay mặt nói: – Tao biết mày phải... nhưng nó lại phải... bằng hai mày.</i>

4	Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.	Nước từ núi Tiên gọi như thác, trắng xoá, qua suối Cộc xóm Đông tràn sang suối xóm Tây rồi dồn về suối xóm Trại chúng tôi. [...] Trẻ con chúng tôi la ó, té nhau, reo hò.
5	Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.	Ồ... ó... ó... Ồ... ó... ó... Tiếng gà Tiếng gà.

2. Trước tiên, hãy đọc kĩ đoạn văn trong đề bài:

Con cáo làm trọng tài. Nó vươn cổ hi lên ba tiếng:

– Hu...u...uét! Hu...u...uét! Hu...u...uét!

Thế là cuộc thi bắt đầu.

Sau đó, đối chiếu với năm công dụng của dấu chấm lửng và ví dụ ở bài tập 1 để xác định dấu chấm lửng trong đoạn văn được dùng với công dụng nào, đánh dấu vào ô tương ứng trong bảng.

Từ đó có thể kết luận, đó là công dụng thứ năm trong bảng sau:

TT	Các công dụng	Công dụng
1	Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.	
2	Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.	
3	Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.	
4	Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.	
5	Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.	x

3. Với yêu cầu thứ nhất, em tái hiện đoạn văn trong *Thỏ và rùa*, có thể chép hai đoạn vào một bảng để đối chiếu:

Trong văn bản <i>Thỏ và rùa</i>	Trong đề bài
Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu.	Trường đua lập tức được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó vươn cổ hú lên ba tiếng: – Hu...u...uét! Hu...u...uét! Hu...u...uét! Thế là cuộc thi bắt đầu.

Với yêu cầu thứ hai, em cần xác định đoạn văn mà mình thích. Điều quan trọng là nêu được lí do. Ví dụ có người thích đoạn văn trong *Thỏ và rùa* vì tính ngắn gọn hàm súc trong cách kể chuyện của truyện ngụ ngôn; có người lại thích đoạn văn nêu trong đề bài vì việc mô phỏng tiếng hú – hiệu lệnh của trọng tài cáo – khiến cho cuộc thi bắt đầu có khí thế, sinh động hơn, v.v.

4. Khi thực hiện yêu cầu của bài tập này em cần đọc kĩ lời dẫn dắt và các câu văn được trích dẫn để xác định thật đúng yêu cầu và cách thực hiện. Đoạn văn ở bài tập 2 và 3 trên đây cho thấy: đối với các văn bản kể chuyện hàm súc, ngắn gọn như truyện ngụ ngôn, ta có thể chỉnh sửa và sử dụng bổ sung dấu chấm lửng ở một số vị trí nào đó thật thích hợp để tăng thêm sức biểu đạt cho từ ngữ, câu văn hay tạo thêm không khí cho câu chuyện. Với mục đích tương tự, dựa vào nội dung các truyện ngụ ngôn đã đọc, em hãy bổ sung, chỉnh sửa các đoạn văn dưới đây thành những đoạn văn có sử dụng dấu chấm lửng, đồng thời chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng trong mỗi trường hợp:

a. *Thế rồi nó dạng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới. (Thỏ và rùa)*

b. *Sau đó, ông truyền cho mỗi đứa đến bẻ bó đuốt ra làm đôi, nhưng không đứa nào bẻ nổi. (Chuyện bó đuốt)*

c. *Cáo nhảy lên rút xuống cả chục lần mà vẫn không bắt được một chùm thắp nhất. (Con cáo và quả nho)*

d. *– Ai mà thềm những trái nho xanh lè đó. Chưa lắm! Không chĩnh lại có cả sâu trong đó nữa. (Con cáo và quả nho)*

Tiếp theo, cần nắm vững các công dụng khác nhau của dấu chấm lửng, tìm trong mỗi đoạn trích các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết có thể bổ sung chỉnh sửa để sử dụng thêm dấu chấm lửng với công dụng thích hợp nhất.

Trên cơ sở đó, em thêm bớt, chỉnh sửa và đưa vào đoạn văn dấu chấm lửng với công dụng thích hợp (tham khảo đáp án trong bảng sau). Em có thể đưa ra các đáp án khác, tương tự ví dụ minh họa:

TT	Công dụng	Ví dụ minh họa
1	Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.	Sau đó, ông truyền cho mỗi đứa đến bẻ bó dừa ra làm đôi. Một đứa, hai đứa,... rồi ba đứa,... cố sức bẻ. Nhưng không đứa nào bẻ nổi.
2	Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.	Cáo nhảy lên rút xuống, rồi lại nhảy lên rút xuống,... có đến cả chục lần mà vẫn không bắt được một chùm thắp nhất.
3	Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.	– Ai mà thềm những trái nho xanh lè đó. Chưa lắm! Không chừng... lại có cả sâu trong đó nữa.
4	Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng	Thế rồi nó dặng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Tiếng ngáy mỗi lúc một to: khò...ò...khò...ò! Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới.

5. Bài tập này nên được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Đọc kĩ đề bài, sau đó thay thế mỗi từ ngữ in đậm trong các đoạn văn dưới đây bằng một vài từ ngữ khác; so sánh mức độ phù hợp của các từ ngữ được thay thế so với các từ ngữ in đậm và đưa ra nhận xét về cách lựa chọn từ ngữ của tác giả dân gian trong mỗi đoạn trích.

– Quen thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp. Nó **nhâng nháo** đưa mắt lên nhìn bầu trời, chả thèm để ý chung quanh nên đã bị một con trâu đi qua dẫm bẹp. (Ếch ngồi đáy giếng)

– Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi dừng lại để cùng xem. Thầy thì **sờ** vòi, thầy thì **sờ** ngà, thầy thì **sờ** tai, thầy thì **sờ** chân, thầy thì **sờ** đuôi. (Thầy bói xem voi)

– Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng **cười mũi** con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì **dần lòng** trước sự khoe khoang của thỏ. (Thỏ và rùa)

– Ông buộc đĩa thành một bó, để trước mặt các con. Sau đó, ông **truyền** cho mỗi đứa đến bẻ bó đĩa ra làm đôi, nhưng không đứa nào bẻ nổi. (Chuyện bó đĩa)

– Một hôm, có con cáo kia vừa đói bụng vừa khát nước. Nó **lên** vào vườn nho để ăn trộm. (Con cáo và quả nho)

Bước 2: Tìm một số từ đồng nghĩa, gần nghĩa với từ in đậm trong các đoạn trích, thử thay thế vào câu văn. Ví dụ: “**nhâng nháo**” thay bằng “**trâng tráo**”; “**sờ**” thay bằng “**quan sát**”/ “**tìm hiểu**”; “**cười mũi**” thay bằng “**chê cười**”/ “**chê cười**”,...

Bước 3: Nhận xét về mức độ phù hợp của từ ngữ vừa được thay thế so với từ ngữ ban đầu.

Bước 4: Để thuận tiện cho việc thực hiện bài tập trên, em có thể sử dụng mẫu bảng dưới đây (làm vào vở). Chẳng hạn:

TT	Từ ngữ trong văn bản	Từ ngữ thay thế	Nhận xét
1	nhâng nháo (Ếch ngồi đáy giếng)	trâng tráo	Từ “nhâng nháo” (ngông nghênh, vô lễ, không coi ai ra gì) phù hợp hơn từ “trâng tráo” (ngang ngược, xấc láo, tỏ ra trơ lì trước sự chê cười, khinh bỉ của người khác).
2	sờ (Thầy bói xem voi)	quan sát/ tìm hiểu	Các từ “quan sát” hay “tìm hiểu” đều không thay thế được từ “sờ”, vì không thể hiện được cách “xem voi” phiến diện, chủ quan dẫn đến tranh cãi xô xát của năm ông thầy bói.
3	cười mũi (Thỏ và rùa)	cười cợt/ chê cười	Từ “cười mũi” rất hay: tự nhiên, thú vị; khó thay thế.
4	dằn lòng (Thỏ và rùa)	cố nhịn tức/ nén giận	Từ “dằn lòng” rất hay: tự nhiên, dân dã; khó thay thế.

5	truyền (<i>Chuyện bó đũa</i>)	cho gọi/ triệu tập	Từ “truyền” thể hiện được tính chất hệ trọng, thiêng liêng của lời sắp nói, điều sắp xảy ra; khó thay thế.
6	lên (<i>Con cáo và quả nho</i>)	chui/ mò	Từ “lên” (lên vào vườn nho) thể hiện một hành vi/ việc làm mờ ám; khó thay thế.

Bước 5: nêu nhận xét chung: truyện ngụ ngôn nói chung dù thường sử dụng lời văn giản dị, dân dã, nhưng có không ít từ ngữ sử dụng rất chọn lọc sâu sắc, khó lòng thay thế bằng từ ngữ khác,...

6. Viết đoạn văn.

Gợi ý:

Đoạn văn được viết có đầu có đuôi như một câu chuyện hoàn chỉnh và cần đáp ứng các yêu cầu:

- Nội dung phỏng theo *Con cáo và quả nho* nhưng cần có những điều chỉnh bổ sung sáng tạo (theo yêu cầu “viết lại” một truyện ngụ ngôn).
- Độ dài không quá 200 chữ và đáp ứng yêu cầu về hình thức của đoạn văn.
- Người kể chuyện xưng “tôi” đóng vai quả nho hoặc con cáo, nhìn sự việc từ góc nhìn của một trong hai nhân vật này.

III. VIẾT

1. *Gợi ý:*

– Dựa vào mục *Yêu cầu đối với kiểu bài* trong SGK để thực hiện câu hỏi này. Bài làm cần nêu rõ năm loại yêu cầu đối với kiểu bài:

+ *Yêu cầu về sự việc:* Sự việc được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.

+ *Yêu cầu về ngôi kể:* Sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) thuật lại sự việc theo một trình tự hợp lí.

+ *Yêu cầu về thông tin, tư liệu*: Các thông tin về sự việc, nhân vật/ sự kiện chọn lọc, xác thực, được cung cấp từ những nguồn tin cậy.

+ *Yêu cầu về sự kết hợp các yếu tố*: Văn bản có sử dụng các yếu tố miêu tả, kết hợp kể chuyện với miêu tả một cách hài hoà, tự nhiên.

+ *Yêu cầu về bố cục*: Bố cục bài viết cần đảm bảo:

Mở bài: Giới thiệu sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.

Thân bài: Thuật lại quá trình diễn biến của sự việc, chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật/ sự kiện lịch sử.

Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của sự việc; ý nghĩa, tác dụng của việc tìm hiểu về nhân vật/ sự kiện lịch sử đối với bản thân.

2. Gợi ý:

– Đọc lại văn bản *Thăm đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang*.

– Dùng bảng kiểm để xem xét mức độ đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí mà kiểu bài quy định qua văn bản *Thăm đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang*.

– Đưa ra một số nhận xét chung về mức độ đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí mà kiểu bài quy định qua văn bản *Thăm đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang*.

3. Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện trong công cuộc khai khẩn mở mang vùng đất mới hay phát triển ngành nghề truyền thống tại địa phương mà em có dịp tìm hiểu.

Gợi ý:

a. (1) Với yêu cầu “xác định đề tài”:

Trong hai phạm vi nội dung đề tài (công cuộc khai khẩn mở mang vùng đất mới hoặc phát triển ngành nghề truyền thống tại địa phương), em có thể chọn “sự việc” liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện để thuật lại theo gợi ý sau:

– Sự việc liên quan đến nhân vật, sự kiện gắn gũi trong tầm hiểu biết của em.

– Sự việc có ý nghĩa lịch sử mà em quan tâm, có hứng thú để thuật lại.

– Sự việc thuận lợi cho em trong việc quan sát thực tế, tìm kiếm tư liệu, thông tin để chuẩn bị cho bài viết.

Đây cũng chính là cơ sở để em giải thích lí do chọn đề tài (hoạt động sẽ thuyết minh trong bài viết) của mình.

(2) Với yêu cầu “nêu cách thu thập tư liệu” của đề bài trên, em có thể gợi ra một vài định hướng như: *Đi thực tế ở đâu? Thu thập từ những nguồn nào? Gặp những người nào mà em cho là liên quan để tìm hiểu sự việc? Sử dụng công cụ hỗ trợ nào?...* trong khi thu thập tư liệu.

b. Em có thể định hướng việc tìm ý qua việc nêu và trả lời một số câu hỏi:

– *Có thể tìm thấy mối quan hệ giữa sự việc có thật và nhân vật/ sự kiện lịch sử liên quan qua các tư liệu, bằng chứng nào?*

– *Bài viết chủ yếu dùng loại tư liệu thu thập được từ nơi người viết tham quan hay qua sách vở, báo chí, truyền thông, qua lời kể của các nhân chứng là người dân địa phương,... hay phối hợp các tư liệu ấy?*

– *Có nên và có thể sử dụng tranh ảnh minh họa (chân dung nhân vật, ảnh hiện vật,...) trong bài viết?*

Sau đó ghi lại bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong quá trình thu thập tài liệu và tìm ý cho bài viết.

c. Dựa vào sơ đồ dàn ý kiểu bài thuật lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử dưới đây và lựa chọn, sắp xếp ý, cụ thể hoá thành dàn ý:

Mở bài

- Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại.
- Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.

Thân bài

1. *Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.*
2. *Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.*
 - Bắt đầu – diễn biến – kết thúc.
 - Một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn,...) cho thấy sự việc đúng là có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.
3. *Ý kiến, nhận xét của nhân chứng hoặc người dân ở địa phương về mối liên quan giữa sự việc với nhân vật, sự kiện lịch sử.*

Kết bài

- Khẳng định về tính có thật của sự việc liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.
- Nhận định về ý nghĩa của việc tìm hiểu thuật lại sự việc.

d.

– Với yêu cầu viết đoạn văn mở bài, lưu ý đáp ứng hai ý cần có của mở bài:

+ Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại.

+ Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.

– Với yêu cầu viết đoạn văn khoảng 200 chữ thuật lại một phần diễn biến của sự việc, em có thể chọn viết đoạn thuật lại một sự việc cụ thể nào đó, nhưng cần nêu được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn lời nhân chứng,...) có liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.

– Khi viết đoạn văn cần bám sát vào dàn ý và yêu cầu của đề bài, tránh lạc đề.

đ.

– Bảng kiểm thường được dùng để đánh giá một văn bản hoàn chỉnh. Tuy vậy, em vẫn có thể trích ra một số tiêu chí liên quan đến kĩ năng viết đoạn mở bài, đoạn thân bài và kĩ năng kể lại sự việc có thật nói chung từ bảng kiểm để đánh giá đoạn mở bài và đoạn thân bài.

Chẳng hạn, với đoạn mở bài có thể tự đánh giá theo tiêu chí sau:

Các đoạn	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Đoạn văn thuộc phần mở bài	Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại.		
	Sử dụng người kể chuyện phù hợp (ngôi thứ nhất, xưng “tôi”).		
	Diễn đạt tự nhiên, lưu loát.		

Với các đoạn văn thuộc phần thân bài có thể tự đánh giá theo tiêu chí sau:

Các đoạn	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Các đoạn văn thuộc phần thân bài	Thuật lại được một phần nội dung, diễn biến của sự việc, có liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.		
	Đưa ra tư liệu lịch sử, bằng chứng thực tế tin cậy.		
	Kết hợp thuật sự việc với miêu tả (khi cần).		
	Sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất, xưng “tôi”.		
	Diễn đạt tự nhiên, lưu loát.		

– Em cần sắp xếp thời gian tiếp tục phát triển dàn ý đã lập thành bài viết hoàn chỉnh, dùng bảng kiểm kĩ năng kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử để tự đánh giá kĩ năng viết của bản thân.

IV. NÓI VÀ NGHE

Đề bài: Kể lại một truyện ngụ ngôn mà theo em là vừa sâu sắc vừa thú vị, hài hước.

- Đề bài này đòi hỏi kết hợp đáp ứng hai yêu cầu:
 - + Kể và nghe kể một truyện ngụ ngôn.
 - + Sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, hài hước trong nói và nghe.
- Trước khi thực hiện, em cần xem lại hai nội dung liên quan của bài học trong SGK; sau đó lần lượt thực hiện các bài tập từ 1 đến 4. Về kĩ năng kể chuyện nói chung kể lại một truyện ngụ ngôn nói riêng, em cần lưu ý các tiêu chí dưới đây để đánh giá kĩ năng:

Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Có những lưu ý chung, gợi mở dự đoán về bài học sẽ được rút ra.		
Trình bày gọn, rõ về diễn biến của các sự việc trong câu chuyện.		
Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp, có những thay đổi cần thiết.		
Thể hiện được tính hài hước, triết lí của truyện ngụ ngôn.		

– Để đáp ứng yêu cầu về kĩ năng sử dụng, thường thức những cách nói thú vị, hài hước trong khi kể chuyện, cả người nói lẫn người nghe cần phải lưu ý:

+ Cách tô đậm yếu tố, tính chất hài hước một cách bất ngờ trong câu chuyện được kể.

+ Cách sử dụng hình thức chế, nhại (chế, nhại từ ngữ, câu nói của một nhân vật mà sự phê phán hướng đến trong câu chuyện một cách nhã nhặn).

+ Cách sử dụng một số biện pháp diễn đạt hài hước với ít nhất một trong số các thủ pháp: *nói quá, chơi chữ, so sánh bất ngờ, sử dụng câu nói, thành ngữ hài hước có sẵn.*

Chân trời sáng tạo

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Trình bày khái niệm và đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.
2. Trình bày hiểu biết của em về mục đích và nội dung chính của văn bản nghị luận.
3. Trình bày hiểu biết của em về ý kiến lớn và ý kiến nhỏ trong văn bản nghị luận.
4. Khi đọc văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, em cần thực hiện những thao tác nào?
5. Chỉ ra lí lẽ, bằng chứng trong đoạn trích sau:

Bằng trí tưởng tượng phong phú, em bé nghe được cái mà người lớn không nghe được, tiếng gọi của sóng, của mây: “Mẹ ơi, trên mây có người gọi con”, “Trong sóng có người gọi con”. Tiếng gọi hồi hả, giục giã, bồn chồn, nó lặp đi lặp lại như gõ cửa tâm hồn vốn thích bay bổng, mộng mơ của bé. Giấc mơ tưởng đã trở thành hiện thực. Nhưng bé chợt phân vân. Có một cái gì như níu kéo:

– Con nói: “Mẹ mình đang đợi ở nhà, ... Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.

– Con bảo: “Chiều chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?”.

(Theo Vũ Dương Quỹ, Lê Bảo, trích *Bình giảng văn 9*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

6. Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra đoạn văn sau thuộc văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?

Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ. Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, Ô Hen-ri mới để cho Xu kể lại cho Giôn-xi (lúc đó là vào buổi chiều, Giôn-xi đang vui vẻ và

đan chiếc khăn choàng len màu xanh sẫm) về cái chết của cụ Bơ-mơn, về “kiệt tác” chiếc lá cuối cùng. Người kể chuyện không “nói hộ” ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-mơn nhưng lại cố ý “bỏ qua”, không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đồ trong đêm như thế nào. Nhưng đó cũng chính là ý đồ nghệ thuật của người sáng tạo mà người đọc cảm nhận được qua sự mô tả cách nhìn, thái độ, trạng thái tinh thần của cụ Bơ-mơn.

(Theo Minh Khuê, trích Tác phẩm văn học trong nhà trường
– Những vấn đề trao đổi, tập 3, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)

7. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

NHỮNG VẦN THƠ CỦA TÌNH YÊU THIÊN NHIÊN VÀ KHÁT KHAO SỰ SỐNG...

Nguyễn Thị Như Ngọc

Xuân Diệu là nhà thơ của tình yêu và lòng yêu đời tha thiết. Cái suy nghĩ “say đắm đuối” và “non xanh” mơn mớn đã hoà vào nhau thành những bản tình ca réo rắt. Đó không chỉ là tình yêu mà còn là khúc hát giao hoà của con người và thiên nhiên, cuộc sống. “Vội vàng”, mà đặc biệt là những câu thơ cuối bài, bằng bút pháp sôi nổi, rạo rực và đầy biến hoá, đã thể hiện rõ cái chất mãnh liệt, nồng nàn, rất riêng của Xuân Diệu:

Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn;

Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,

Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,

Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều,

Và non nước, và cây, và cỏ rạng.

Cho chênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng.

Cho no nê thanh sắc của thời tươi;

Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

Mỗi dòng thơ là một cung bậc của vẻ đẹp thiên nhiên, là một giai điệu vô tận của niềm say đắm cuộc sống.

Cũng là thiên nhiên và tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, nhưng Xuân Diệu có cách thể hiện rất mới lạ, độc đáo. Xưa nay từ cảnh mới sinh tình nên các

nhà thơ luôn “tả cảnh” trước rồi mới “ngụ tình” sau. Còn Xuân Diệu đã làm điều ngược lại. Nhà thơ đã dùng cảm xúc rạo rực của mình để phả vào thiên nhiên một sức sống tràn đầy. Chính yếu tố đặc biệt đó đã biến những dòng thơ thành đảo phách, nổi lên giữa những khúc nhạc vốn đã rất đặc sắc:

*Ta muốn ôm
Ta muốn riết...
Ta muốn say...*

Và hơn thế nữa:

Ta muốn thấu...

Thiên nhiên thật là tuyệt vời! Xuân Diệu ngây ngất, khao khát muốn tận hưởng tất cả. Chính xác hơn là tất cả những gì tươi đẹp nhất.

Xuân Diệu muốn hoà nhập vào “Cả sự sống mới bắt đầu mon morn”. Từ “ôm” thể hiện cái khát khao đến cháy bỏng và nó cũng làm cho ta có cảm giác rằng lúc Xuân Diệu viết nên dòng thơ cũng là lúc Xuân Diệu quyện tâm hồn mình vào “sự sống”. Sự sống đã bắt đầu hàng triệu triệu năm trước, nhưng với Xuân Diệu, sự sống “mới bắt đầu”. Mới bắt đầu bởi vì chỉ hôm nay đây, lúc này đây, Xuân Diệu mới cảm nhận hết từng khía cạnh, từng chi tiết nhỏ của cuộc sống”. [...]

Đúng như người ta nói: “Không có tình yêu thì không phải thơ Xuân Diệu”. “Cánh bướm tình yêu” khẽ khàng xuất hiện, dường như vô tình xe duyên cho Xuân Diệu và cuộc sống. Để rồi lòng Xuân Diệu chuyển sang đắm say mãnh liệt: “thâu”, “một cái hôn nhiều”. Thiên nhiên hiện lên từng chi tiết sắc sảo: “non nước”, “cây”, “cỏ rạng”... Hạnh phúc như tràn ngập tuôn ra bắt đầu từ “cái hôn nhiều”. Đó cũng là nghệ thuật thể hiện của Xuân Diệu. Xuân Diệu thực sự “say”: “chénh choáng mùi thơm”, “đã đầy ánh sáng”, “no nê thanh sắc của thời tươi”. Xuân Diệu đã hoàn tất bức tranh thiên đường của hạnh phúc bằng ánh sáng rực rỡ mà dịu dàng lan toả khắp nơi.

Táo bạo trong nghệ thuật dùng từ, Xuân Diệu đã tạo nên những dòng thơ ngập tràn sức sống. Xuân Diệu khuyên người ta hãy tận hưởng, hãy sống hết mình. Đó không phải là lối sống gấp gáp vội vàng mà là nhịp sống sôi nổi, hăng say. Bằng hồn thơ sôi nổi, cặp mắt non xanh, Xuân Diệu đã tạo nên những dòng thơ rất riêng, thổi vào cuộc sống tình yêu và khát khao hạnh phúc.

(Trích Những bài văn đạt điểm cao của học sinh giỏi Văn trung học phổ thông,
NXB Trẻ, 2003)

- a. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản trên. Xác định mục đích và nội dung chính của văn bản.
- b. Nhận xét về cách triển khai lí lẽ, bằng chứng trong đoạn văn sau. Cách triển khai lí lẽ, bằng chứng như vậy có tác dụng gì trong việc thực hiện mục đích của văn bản?

Đúng như người ta nói: “Không có tình yêu thì không phải thơ Xuân Diệu”. “Cánh bướm tình yêu” khẽ khàng xuất hiện, dường như vô tình xe duyên cho Xuân Diệu và cuộc sống. Để rồi lòng Xuân Diệu chuyển sang đắm say mãnh liệt: “thâu”, “một cái hôn nhiều”. Thiên nhiên hiện lên từng chi tiết sắc sảo: “non nước”, “cây”, “cỏ rợn”... Hạnh phúc như tràn ngập tuôn ra bắt đầu từ “cái hôn nhiều”. Đó cũng là nghệ thuật thể hiện của Xuân Diệu. Xuân Diệu thực sự “say”: “chénh choáng mùi thơm”, “đã đầy ánh sáng”, “no nê thanh sắc của thời tươi”. Xuân Diệu đã hoàn tất bức tranh thiên đường của hạnh phúc bằng ánh sáng rực rỡ mà dịu dàng lan toả khắp nơi.

- c. Chỉ ra những dấu hiệu giúp em nhận ra văn bản trên là văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.
- d. Từ tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của Xuân Diệu được phân tích trong văn bản, em rút ra bài học gì cho bản thân?

II. TIẾNG VIỆT

1. Dựa vào phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK, em hãy giải nghĩa của các yếu tố Hán Việt sau: *quốc, gia, biển, hội, hữu, hoá*.
2. Giải thích ý nghĩa của các từ Hán Việt in đậm trong đoạn văn sau:

*Xuân Diệu là nhà thơ của tình yêu và lòng yêu đời tha thiết. Cái suy nghĩ “say đắm đuối” và “non xanh” mon mơn đã hoà vào nhau thành những bản **tình ca** réo rắt. Đó không chỉ là tình yêu mà còn là khúc hát giao hoà của con người và **thiên nhiên**, cuộc sống. “Vội vàng”, mà đặc biệt là những câu thơ cuối bài, bằng **bút pháp** sôi nổi, rạo rực và đầy **biến hoá**, đã thể hiện rõ cái chất mãnh liệt, nồng nàn, rất riêng của Xuân Diệu.*

(Nguyễn Thị Như Ngọc, *Những vần thơ của tình yêu thiên nhiên và khát khao sự sống...*)

3. Đặt câu với các từ in đậm trong đoạn văn ở bài tập 2.

III. VIẾT

1. Trình bày khái niệm và yêu cầu của kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.
2. Nêu bố cục của kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.
3. Trình bày kinh nghiệm của em khi viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.
4. Thực hiện đề bài sau:

Đề bài: *Câu lạc bộ văn học trường em tổ chức cuộc thi viết với đề tài “Nhân vật văn học thay đổi cách nhìn của tôi về cuộc sống”. Em hãy viết bài văn khoảng 500 đến 600 chữ, phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học đã làm thay đổi cách nhìn của bản thân về cuộc sống để gửi tham dự cuộc thi.*

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Trình bày ngắn gọn các bước thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi.
2. Khi thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi, có thể thống nhất ý kiến của các thành viên bằng cách nào?
3. Thực hiện đề bài sau:

Đề bài: *Trong cuộc họp nhóm cán sự lớp thảo luận về việc chọn hình thức tham gia phong trào “Kế hoạch nhỏ” do trường phát động, có hai luồng ý kiến gây tranh cãi:*

a. *Nuôi heo đất để ủng hộ quỹ khuyến học của nhà trường.*

b. *Trồng cây cảnh để làm đẹp cảnh quan lớp học.*

Trong vai trò lớp trưởng, em hãy chủ trì buổi thảo luận nhóm cán sự lớp để thống nhất một phương án.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Trả lời dựa vào mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGK.

2. Trả lời dựa vào mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGK.

3. Trả lời dựa vào mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGK.

4. Khi đọc văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, ta cần:

- Xác định ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản.
- Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Chỉ ra mục đích viết của văn bản và mối quan hệ giữa mục đích viết với các đặc điểm văn bản.

5. Lí lẽ, bằng chứng trong đoạn trích:

– Bằng chứng: “*Mẹ ơi, trên mây có người gọi con*”; “*Trong sóng có người gọi con*”; “*Con nói: “Mẹ mình đang đợi ở nhà, ... Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”*”; “*Con bảo: “Chiều chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?”*” (là những cụm từ được trích ra từ văn bản).

– Lí lẽ: là những lí giải, lập luận của người viết về các bằng chứng trích ra từ văn bản (phần còn lại).

6. Các dấu hiệu giúp ta nhận ra đoạn văn sau thuộc văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học:

– Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm: *Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ.*

– Có những bằng chứng trích ra từ tác phẩm (*Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, Ô Hen-ri mới để cho Xu kể lại cho Giôn-xi (lúc đó là vào buổi chiều, Giôn-xi đang vui vẻ và đan chiếc khăn choàng len màu xanh sẫm) về cái chết của cụ Bơ-mon, về “kiệt tác” chiếc lá cuối cùng*); lí lẽ lí giải phân tích những bằng chứng trích ra từ tác phẩm (*Người kể chuyện không “nói hộ” ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-mon nhưng lại cố ý “bỏ qua” không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào. Nhưng đó cũng chính là ý đồ nghệ thuật của người sáng tạo mà người đọc cảm nhận được qua sự mô tả cách nhìn, thái độ, trạng thái tinh thần của cụ Bơ-mon*).

– Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí: nêu ý kiến → đưa ra bằng chứng → trình bày lí lẽ để lí giải bằng chứng. Cách sắp xếp này giúp người đọc dễ theo dõi mạch lập luận, tăng sức thuyết phục cho ý kiến.

7. Hướng dẫn trả lời các câu hỏi đọc hiểu văn bản:

a. Gợi ý:

- HS vẽ sơ đồ dựa vào hệ thống ý kiến của văn bản:
- + Ý kiến lớn: Mỗi dòng thơ là một cung bậc của vẻ đẹp thiên nhiên, là một giai điệu vô tận của niềm say đắm cuộc sống.
- + Ý kiến nhỏ 1: Cũng là thiên nhiên và tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, nhưng Xuân Diệu có cách thể hiện rất mới lạ, độc đáo.
- + Ý kiến nhỏ 2: Xuân Diệu muốn hoà nhập vào “Cả sự sống mới bắt đầu mon mơn”.
- Mục đích của văn bản: nhằm thuyết phục người đọc về quan điểm của người viết (đoạn cuối bài thơ *Vội vàng* thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên, niềm say đắm sự sống).
- Nội dung chính của văn bản: Vẻ đẹp thiên nhiên, niềm say đắm sự sống của Xuân Diệu trong đoạn cuối bài thơ *Vội vàng* thể hiện qua các biện pháp nghệ thuật độc đáo, tâm thế hoà nhập với sự sống.

b. Bằng chứng là các cụm từ trích ra từ văn bản *Vội vàng*; lí lẽ là những phân tích lí giải của người viết về các bằng chứng. Cách triển khai lí lẽ và bằng chứng như vậy góp phần giúp người đọc hình dung ra giá trị nghệ thuật và nội dung của đoạn thơ, từ đó làm tăng sức thuyết phục cho quan điểm của người viết (đoạn cuối bài thơ *Vội vàng* thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên, niềm say đắm sự sống).

c. Những dấu hiệu giúp người đọc nhận biết đây là văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học:

- Thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về bài thơ *Vội vàng*.
- Có bằng chứng là những cụm từ trích ra từ văn bản *Vội vàng*; lí lẽ là những lập luận, lí giải của người viết về các bằng chứng.
- Cách sắp xếp ý kiến, lí lẽ, bằng chứng hợp lí. Đi từ ý kiến lớn đến các ý kiến nhỏ, đi từ nghệ thuật (ý kiến nhỏ 1) đến nội dung (ý kiến nhỏ 2); các lí lẽ và bằng chứng triển khai theo trình tự của bài thơ, giúp người đọc dễ dàng nắm bắt được quan điểm của người viết, tăng sức thuyết phục cho văn bản.

d. HS trả lời dựa trên quan điểm, trải nghiệm cá nhân.

II. TIẾNG VIỆT

1. Trả lời dựa vào *Tri thức Ngữ văn* trong SGK.

2. Ý nghĩa các từ Hán Việt in đậm:

– *Tình ca*: bài hát về tình yêu.

– *Thiên nhiên*: tổng thể nói chung những gì tồn tại xung quanh con người mà không do con người tạo ra (đồng nghĩa với “tự nhiên”).

– *Bút pháp*: cách dùng các phương tiện nghệ thuật để tạo nên tác phẩm nghệ thuật.

– *Biến hoá*: biến đổi thành cái khác, chuyển sang dạng thức khác (trong trường hợp này, “biến hoá” được sử dụng như một danh từ).

3. HS đặt câu dựa vào nghĩa đã tìm được ở câu trên. Chú ý đánh dấu các từ Hán Việt được sử dụng để đặt câu.

III. VIẾT

1. Trả lời dựa vào SGK.

2. Trả lời dựa vào SGK.

3. Ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi đã thực hiện bài viết phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học ở trên lớp.

4. Hướng dẫn thực hiện bài viết:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài, người đọc, mục đích viết

Với đề bài này, đề tài là *nhân vật văn học thay đổi cách nhìn của em về cuộc sống*. Đó có thể là nhân vật cho em những bài học mới mẻ về cuộc sống, hoặc là nhân vật giúp em thay đổi những suy nghĩ chưa được đúng đắn của bản thân, hoặc là nhân vật cho em những cảm nhận, tình cảm chưa từng có trước đây,...

Đây là bài văn nghị luận, do đó mục đích viết trước tiên là để thuyết phục người đọc về quan điểm của em (về nhân vật). Bên cạnh đó, đây còn là một bài văn để gửi tham dự cuộc thi viết của câu lạc bộ văn học, do đó em hãy suy nghĩ đến những tiêu chí của cuộc thi để chọn cách viết cho phù hợp. Người đọc của em sẽ là ban giám khảo của cuộc thi và các bạn cùng trường khi bài viết được công bố.

Thu thập tư liệu

Em hãy đọc lại tác phẩm và ghi lại những chi tiết quan trọng về nhân vật như: ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác... Em có thể tham khảo phiếu học tập trong SGK.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Em hãy phác thảo các đặc điểm về tính cách của nhân vật dựa vào sơ đồ trong SGK.

Lập dàn ý

Em lập dàn ý theo gợi ý sau:

MỞ BÀI	– Giới thiệu nhân vật sẽ phân tích: – Ý kiến của tôi về nhân vật:
THÂN BÀI	1. Phân tích đặc điểm thứ nhất của nhân vật: – Ý kiến về đặc điểm thứ nhất của nhân vật: – Lí lẽ: – Bằng chứng: 2. Phân tích đặc điểm thứ hai của nhân vật: – Ý kiến về đặc điểm thứ hai của nhân vật: – Lí lẽ: - Bằng chứng: 3. Lí giải cách nhân vật thay đổi suy nghĩ của tôi về cuộc sống:
KẾT BÀI	– Khẳng định lại ý kiến của người viết: – Cảm nghĩ về nhân vật:

Bước 3: Viết bài

Em tiến hành viết bài. Trước khi viết, em có thể tham khảo phần *Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản* trong SGK.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Sau khi viết, em tự đánh giá lại bài viết của mình dựa theo bảng kiểm trong SGK.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Trả lời dựa vào SGK.
2. Trả lời dựa vào SGK.
3. Hướng dẫn quy trình nói và nghe:

Bước 1: Chuẩn bị

Thành lập nhóm và phân công công việc

Một nhóm nhỏ nên gồm khoảng 6 thành viên. Nhóm trưởng chịu trách nhiệm phân công công việc, theo dõi tiến độ, chuẩn bị và dẫn dắt buổi thảo luận. Thư kí ghi chép ý kiến của các thành viên trong buổi thảo luận.

Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận

Sau khi tập hợp nhóm cán sự lớp, mời giáo viên chủ nhiệm tham gia, lớp trưởng thông báo cho thành viên vấn đề cần thảo luận. Mỗi thành viên về nhà tìm hiểu thông tin về hoạt động “Kế hoạch nhỏ” do trường tổ chức (văn bản kế hoạch, thông tin trên trang web của trường), các thông tin liên quan đến hai đề xuất,...

Thông nhất mục tiêu và thời gian buổi thảo luận

Mục tiêu của buổi thảo luận là thống nhất lựa chọn một đề xuất phù hợp trong hai đề xuất đang gây tranh cãi.

Cả nhóm thống nhất: *Thời gian thảo luận dự kiến là bao lâu? Nhóm sẽ dành bao nhiêu thời gian cho mỗi ý kiến khi thảo luận?*

Bước 2: Thảo luận

Trình bày ý kiến

Các thành viên trong nhóm chia ra thành hai nhóm nhỏ:

+ Những người ủng hộ ý kiến nuôi heo đất.

+ Những người ủng hộ ý kiến trồng cây cảnh.

Sau đó đại diện các nhóm nhỏ trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình và phản bác quan điểm còn lại.

Thư kí ghi lại quan điểm theo mẫu sau:

	Nuôi heo đất để ủng hộ quỹ khuyến học của nhà trường	Trồng cây cảnh để làm đẹp cảnh quan lớp học
Ưu điểm		
Nhược điểm		

Phản hồi các ý kiến

Các thành viên trong nhóm đặt câu hỏi hoặc phản biện các ý kiến vừa nêu. Người trình bày phản hồi các quan điểm phản biện.

Thống nhất ý kiến

Cả nhóm lựa chọn phương án phù hợp bằng hình thức biểu quyết theo số đông. Trong trường hợp hai ý kiến có số lựa chọn ngang nhau, giáo viên chủ nhiệm sẽ là người bỏ phiếu quyết định.

Chân trời sáng tạo

Bài 4

QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN

(Tản văn, tùy bút)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Điền vào bảng sau những điểm giống và khác nhau của tản văn và tùy bút:

	Tản văn	Tùy bút
Giống nhau (chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ)		
Khác nhau		

2. Khi đọc một văn bản tùy bút hoặc tản văn, em cần chú ý những gì về cách đọc?

3. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

MỘT THỨC QUÀ CỦA LÚA NON: CÓM

Thạch Lam

Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng¹ sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới xác định được, người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức

¹ *Vừng* (cũng viết “vằng”): từ chỉ đơn vị, dùng để gọi một cách trang trọng hay văn vẻ một vật thể có bề mặt được coi là rộng, hình tròn hoặc gần với hình tròn. Ví dụ: vằng dương, vằng trăn.

làm truyền từ đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, cái cô gái Vòng¹ làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được hạt cốm dẻo, thơm và ngon được bằng ở làng Vòng, gần Hà Nội.

Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kì, và đến mùa cốm, các người của Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng...

Cốm là thức quả riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam². Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà sêu Tết³. Không gì còn hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng⁴, thức quả trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi... Và không bao giờ có hai màu lại hoà hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đậm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng⁵ và thô kệch bắt chước người ngoài: những kẻ mới giàu vô học có biết đâu mà thưởng thức được những vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn?)

Cốm không phải thức quả của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ; trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đậm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp

¹ *Vòng*: làng Vòng thuộc xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, nay thuộc quận Cầu Giấy. Làng Vòng từ lâu đã nổi tiếng về nghề làm cốm.

² *An Nam*: tên gọi cũ của nước Việt Nam, dưới thời Bắc thuộc được dùng chính thức từ đời Đường và cũng còn dùng dưới thời thuộc Pháp.

³ *Sêu Tết*: chỉ việc nhà trai đưa lễ vật (thường là thức ăn) đến nhà gái trong dịp lễ, Tết, khi chưa cưới, trong xã hội cũ.

⁴ *Tơ hồng*: sợi chỉ đỏ biểu trưng cho tình duyên do trời định. Theo truyền thuyết Trung Quốc, ông Nguyệt Lão dùng sợi chỉ này buộc vào chân đôi nam nữ nào thì họ sẽ thành vợ chồng.

⁵ *Hào nháng* (cũng viết là "hào nhoáng"): có vẻ đẹp phô trương bề ngoài.

lấy từng hạt cốm một còn giữ lại cái ẩm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen. Khi các cô gái làng Vòng đỡ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ, và tinh khiết, không có mây may một chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu¹ mà vuốt ve. Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thần Lúa. Sự thương thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn, và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

(In trong *Hà Nội băm sáu phố phường*, NXB Đời nay, 1943)

- a. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết *Một thức quà của lúa non: cốm* là một văn bản tùy bút?
- b. Tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc thế nào đối với cốm? Tìm một số từ ngữ, hình ảnh đã góp phần thể hiện tình cảm, cảm xúc ấy của tác giả trong đoạn văn sau:

Khi các cô gái làng Vòng đỡ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ, và tinh khiết, không có mây may một chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve. Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thần Lúa.

- c. Trong tùy bút, chất trữ tình thường được tạo nên từ sự hoà quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, và vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật nhằm mang lại những rung động và sự thích thú cho người đọc. Tìm một số chi tiết thể hiện đặc điểm này trong văn bản *Một thức quà của lúa non: cốm*.
- d. Xác định chủ đề của văn bản. Dựa vào đâu em xác định như vậy?
- đ. Gần cuối văn bản, tác giả viết: “*Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần...*”. Theo em, vì sao điều đó lại xảy ra trong cuộc sống của chúng ta? Làm thế nào để những nét đẹp văn hoá của dân tộc không bị mất đi?

¹ *Chút chiu* (từ ít dùng): nâng niu, nhẹ nhàng.

4. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

BUỔI SÁNG MÙA XUÂN SƯƠNG CHƯA TAN

Đỗ Bích Thuý

Tôi đã từng nghĩ rằng, có viết bao nhiêu dòng, bao nhiêu trang cũng không thể đủ, không thể thoả lòng về niềm yêu mến của tôi đối với cái cây ấy.

Lúc tôi mười, hay mười một gì đấy, tôi rất thích ngồi đan ở đầu hồi. Thích lắm. Ngày ấy, len hiếm, mẹ tôi thường dỡ những cái áo len cũ, rách, thủng ra, nhặt những đoạn len còn tốt, nối vào để đan lại. Áo, khăn, mũ. Những cái áo len đẹp mặt trước, còn mặt sau, bên trong, thì chỉ chít những cái mối nối đùn lên. Tôi xin mẹ những đoạn len thừa. Ngắn quá không bỏ nối, thì mẹ cho tôi. Tôi tự vót một đôi kim đan. Vót từ một khúc vầu già. Bỏ tôi hay nói, nếu muốn vót tròn thì phải để vuông. Tức là, muốn vót que đũa, hay que đan cũng vậy, thì phải chẻ miếng vầu cho nó vuông đã, vót dễ hơn, nhanh hơn. Vót xong, lấy chính cái phần sợi đã vót ấy, vo lại, nhét cây que đan vào trong, chuốt cho nó nhẵn thín, bóng loáng mới thôi. Xong một đôi que đan, nối được một đoạn len dài, tôi mang ra ngồi trước hiên nhà. Một đứa bé gái sửa soạn cho một buổi sáng mùa đông ngồi đan hẳn là phải tỉnh tươm lắm, tôi nghĩ thế. Mà tôi cũng chẳng biết đan gì, chỉ mong được một miếng chùng hai bàn tay, có pha màu, có vài hoạ tiết, thế là vui lắm rồi.

Đầu hồi có một cây mạn.

Ngồi đan, và ngắm cây mạn. Lúc nào tôi cũng muốn làm hai việc này cùng với nhau.

Trời lạnh, gió từ trong khe núi thổi ra liên tục. Nhưng mà hôm ấy trời có nắng. Một ngày trời nắng hiếm hoi. Tôi ngồi ngay dưới tán cây. Cây mạn rất già, da mốc meo, khô khốc. Bỏ tôi trồng nó xuống trong đúng cái ngày tôi chào đời. Gốc cây mạn xù ra từng cục. Có một vết sẹo tròn tròn dưới gốc. Đây là chỗ mà tôi hay buộc con chó.

Nắng lên, xuyên qua cành cây đầy lá non. Những cành mạn gầy in bóng trên nền sân. Vừa Tết xong. Hoa mạn cuối mùa vẫn cố nở những bông trắng thật là trắng. Nhiều cành đã ra quả. Quả non xanh như lá, phần bọc bên ngoài lại trắng như tuyết.

Tôi thích nhất là ngắm cây mận ở lúc mà nó vừa có hoa vừa có quả, những cái lá non xanh mướt như được quét một lớp mỡ bằng chổi lông gà. Ấy là khi mùa xuân đến. Mùa xuân, cho dù năm nào cũng đến muộn, nhưng luôn luôn kịp để cây mận ra hoa, hoa rụng, còn lại những quả xanh non. Tôi có thể ngồi cả buổi ở hiên nhà, trong cái nắng vàng nhạt âm ập, gió lạnh vãn thổi băng qua trước mặt và đẩy tất cả mọi cái lá rụng về phía cuối sân. Mỗi khi một cánh hoa rơi xuống thì cây mận lại rung mình một cái, như là nó bị đau. Thấy thương cây mận. Cây mận giống mẹ tôi, phải đổi vẻ đẹp của mình để lấy những đứa con. Lại nghĩ, liệu rồi mình có muốn giống cây mận kia không? Không biết. Lần nào ngồi dưới bóng của nó tôi cũng tự hỏi đi hỏi lại câu đó hàng trăm lần, trong mỗi buổi sáng không có sương mù che phủ, và cây mận tha hồ khoe vẻ đẹp của nó.

Tôi vẫn thế, luôn lẩn thẩn chơi một mình và rất thích những thứ mà tôi nghĩ rằng nó bị bỏ quên. Một bông hoa mận, một quả hồng cuối mùa màu đỏ còn sót lại trên ngọn trong khi mọi cái lá thì đã rụng hết, một tổ chim có mấy con chim non...

Cây mận gầy thật là gầy. Những miếng vỏ già vỡ ra khiến thân cây đầy vết nứt, giống những vết nứt ở gót chân vào mùa đông. Bọn trẻ chúng tôi ở làng, chân dừa nào cũng nứt toác. Má cũng nứt. Nhưng gầy thì gầy, cây mận vẫn cho đầy quả.

Tôi ôm cái giỏ đựng đồ đan trước bụng, nhìn chăm chăm lên cây mận.

Nắng chiếu vào những hạt sương trong veo ở đầu cành làm cho nó sáng lấp lánh. Tôi đã nghĩ, mình cũng sẽ đính những hạt sương như thế lên chiếc áo len đầu tiên mà tôi đan được sau này. Chiếc áo của tôi sẽ chẳng giống ai. Có tìm khắp các chợ cũng không có chiếc thứ hai. Tôi sẽ đính cả những bông hoa bằng vải nhỏ tí trắng như hoa mận. Tôi sẽ là một bông hoa mận đang nở, trong một buổi sáng mùa xuân sương chưa tan...

Tôi đã lớn lên, từng tuổi một, bên hiên nhà và dưới gốc mận ấy. Cây mận ngày một già, những cành dài của nó trùm lên mái nhà. Sau những trận mưa to gió lớn, nó quật vỡ vài viên ngói. Tuổi thơ của tôi đã trôi đi, trôi đi, như một giấc mơ. Một giấc mơ không bao giờ cũ, nằm yên ở đó, và khi nào chạm đến thì thức dậy. Anh cả tôi lấy vợ, anh thứ tôi lấy vợ, những đứa cháu tập đi quanh gốc mận, và bố mẹ tôi cũng già đi bên gốc mận. Còn tôi, thì đi lấy chồng.

Cây mận ấy, già nua và cô đơn, im lìm lặng lẽ và khiêm nhường, tận hiến những gì có thể cho cả một gia đình, và cũng chứng kiến những biến động lớn nhất trong một gia đình. Khi tôi xa nhà, quay về, đi qua một khúc quanh, qua một cây cầu nhỏ, còn chưa nhìn thấy hai cánh cửa nhà màu xanh thì đã nhìn thấy ngọn cây mận. Nó vẫn đứng đó, vươn ngọn lên trên mái nhà, và đang vươn lên cao để vẫy chào reo vui. Năm nào cây mận cũng ra hoa, ra quả. Càng già quả càng ít đi, nhưng càng ngon hơn. Giòn tan, ngọt lịm, và tôi luôn nhè hạt mận ra rồi vung tay vút thật mạnh qua bờ rào. Ngoài đây là rừng. Rừng đầy những sa nhân, sồi, dẻ, trám, giang, vầu... [...]

Tôi vút hạt mận ra rừng, và luôn mơ mộng về một khu rừng đầy những cây mận, và cây nào cũng chi chít quả...

Năm tôi hai mươi tám tuổi, cây mận cũng hai mươi tám tuổi. Tôi rời nhà đi, cây mận vẫn đứng đó. Mười năm sau đó, bố mẹ tôi cũng rời đi. Cây mận không còn nữa. Nó đã quá già, nhưng không phải vì nó già, mà vì cái vị trí nó đứng khiến cho người chủ mới không thể dựng lên một ngôi nhà thật to. Người ta chặt bỏ nó đi.

Tôi muốn khóc lắm. Thật là thế. Tôi đã luôn tin rằng cây mận sẽ nhớ tôi biết bao, giống như tôi luôn nhớ nó. Một cái cây có linh hồn, mong manh, nhạy cảm, tinh tế, và trĩu nặng ân tình. Và vào mùa xuân này, như mấy chục mùa xuân đã trôi đi mất, tôi lại ngồi giữa phố xá và lặng yên nhớ về cái buổi sáng ngồi tỉ mẩn tập đàn, và hoa mận thì lá tả rụng, như sương...

(Nguồn: <https://nhandan.vn/thoinayxuan2019-huongxuanmautet/buoi-sang-mua-xuan-suong-chua-tan-348568/>)

- Hãy chỉ ra những đặc điểm của tản văn được thể hiện trong văn bản *Buổi sáng mùa xuân sương chưa tan*.
- Chủ đề văn bản này là gì?
- Hãy viết một đoạn văn thể hiện suy nghĩ của em về tình cảm đặc biệt giữa tác giả với cây mận.

II. TIẾNG VIỆT

- Nối các từ ngữ có ý nghĩa giống nhau ở 2 cột.

A
1. quả quất
2. đội
3. tắt
4. trái thơm
5. hoa quả

B
a. trái cây
b. quả dưa
c. bát
d. vớ
đ. trái tắc

2. Xác định từ ngữ địa phương theo vùng miền bằng cách đánh dấu chéo (X) vào bảng sau:

Từ ngữ	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
đĩa			
rày			
bên ni, bên tê			
chộ			
vườn			
giả vờ			

3. Tìm các từ ngữ địa phương trong đoạn văn sau và giải thích nghĩa của chúng:

Người nhà quê hồi mình con nít toàn người nghèo, sân nhà quê hồi ấy cũng rất sân đất, nên nhà nào cũng cắm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa, sân chìm trong nước cũng có chỗ mà đem phơi củi, hay gối, chiếu. Những ngày hừng nắng trên giàn luôn có thứ gì đó nóng nắng, khi cảm mốc, khi thì mở bột gạo thừa trong lúc làm bánh, khi thì mở cơm nguội hay mở lá dừa khô dùng để nhen lửa, mấy trái đậu bắp già làm giống cho mùa sau,... Phơi trên giàn mọi thứ khô mau, vì nắng ngùn ngụt trên mặt, gió lộng phía lưng.

(Nguyễn Ngọc Tư, Mùa phơi sân trước)

4. Chỉ ra đặc điểm của văn bản mạch lạc trong đoạn trích dưới đây:

Đã có lúc ngồi nhìn người hàng xóm xẽ từng mẻ cốm sang chiếc lá sen to để gói lại cho khách hàng, tôi đã tần mẩn ngẫm nghĩ nhiều. Ở mà thật vậy, sao cứ phải là lá sen mới gói được cốm? Mà sao cứ phải là rom tươi của cây lúa mới đem buộc được gói cốm? Có một khi tôi đã thử tưởng tượng người ta dùng giấy bóng kính tốt đẹp để gói cốm và dùng dây lụa để buộc gói cốm, nhưng mới thoáng nghĩ như thế, tôi đã thấy tất cả một sự lố lãng, tất cả một sự thô kệch, nói tóm lại là tất cả một sự... khó thương! Còn gì là cốm nữa! Làm vậy, cốm có còn là cốm đâu!

Cốm, một món quà trang nhã của Thần Nông đem từ những đồng quê bát ngát của tổ tiên ta lại cho ta, không thể khinh chịu được những cái gì phàm tục.

Vì thế, ăn miếng cốm cho ra miếng cốm, người ta cũng cần phải tỏ ra một chút gì thanh lịch, cao quý; phải biết tiếc từng hạt rơi, hạt vãi, và nhất là phải ăn từng chút một, lấy ngón tay nhón lấy từng chút một, chứ không được phũ phàng.

(Vũ Bằng, Cốm Vòng)

5. Tính mạch lạc đã được thể hiện trong đoạn trích dưới đây như thế nào?

Chân rõ ràng không mỏi, nhưng tâm đã rời, cứ chạy theo đeo đuổi miết trên những giàn phơi. Hút hơi, chơi vơi. Có lần về nhà kêu má Tết này làm những món này này, những món mà mình nhìn thấy mang theo trên suốt chặng đường từ nhà ngoại về. Má cười, người ta có đâu có nghĩa là mình phải có.

Mình đại hơn cả tuổi mười ba, không hiểu câu đó mấy, nên vẫn muốn má bày thật nhiều thứ trên giàn phơi nhà mình, chứ không phải cốm nhom chút dừa kiệu, dừa hành, chút chuối khô,... Nên Chạp sau mình vẫn nhắc, má lại nói ta đâu cần phải có cái mà người ta có.

Cũng may qua mỗi Chạp mỗi mùa phơi mình mỗi lớn, bài học của người của ta má không nhắc nữa, mình bỗng băng quơ nhớ. Nhận ra trên giàn cũng phơi những thân phận người. Ngó qua khoảng sân đã rợp những cây mồng gà, vạn thọ biết ai ăn Tết lớn ai chịu đầu hiu, như ngó qua cái sào phơi quần áo biết nhà ai đông, nhà ai đơn chiếc, ai khá giả, ai nghèo. Nắng gió khiến mọi niềm vui, nỗi buồn bày ra như một cuộc điều hành, không che giấu khách qua đường. Căn chòi của bà già chèo đò hay

chở mình qua sông trống mải, cho đến ngày cuối Chạp bồng trên đồng củi có phơi vài tàu lá chuối, biết tối nay trên sân nhỏ bà sẽ ngồi canh nồi bánh tét đến giao thừa. Minh bồng nghe nhẹ nhõm khi nhìn theo bóng nhỏ đưa chiếc đòn về bên kia sông.

Chật vật mấy, cuối Chạp cũng có cái đem phơi, đem nhuộm nắng, cũng có bụi bông vạn thọ, và bông trang, bông lồng đèn nở rực rỡ trên rào...

(Nguyễn Ngọc Tư, Mùa phơi sân trước)

6. Liệt kê ít nhất 5 từ ngữ địa phương ở vùng miền em sống, sau đó tìm các từ ngữ đồng nghĩa ở các địa phương khác.

III. VIẾT

1. Trình bày những yêu cầu của bài văn biểu cảm về con người, sự việc.
2. Khi viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc, làm thế nào để thể hiện tình cảm của người viết một cách chân thực, thuyết phục?
3. Vẽ sơ đồ dàn ý cho đề bài sau:

Hãy viết một bài văn biểu cảm (độ dài khoảng 400 từ) về một người bạn hoặc về một kỉ niệm sâu sắc của em.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào gợi ý trong bảng sau, em hãy trình bày những điều cần lưu ý khi nghe và tóm tắt ý chính do người khác trình bày:

Tâm thế tôi cần chuẩn bị là.....
Để không bỏ sót ý chính do người khác trình bày, tôi cần.....
Để đảm bảo bài tóm tắt thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, tôi cần.....
Để ghi được ngắn gọn các thông tin, tôi nên.....
Tôi thể hiện các ý rõ ràng, mạch lạc bằng cách.....

2. Tại sao khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày, ta cần đọc lại và chỉnh sửa phần ghi chép?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Em hãy đọc lại các thông tin về tản văn và tùy bút trong mục *Tri thức Ngữ văn*, để tìm những điểm giống và khác nhau giữa hai thể loại này và điền thông tin vào bảng.

2. Hãy dựa vào đặc điểm của thể loại để trả lời câu hỏi này. Gợi ý trả lời:

- Tìm hiểu chất trữ tình, cái tôi của nhà văn thể hiện qua văn bản.
- Tìm hiểu ngôn ngữ của văn bản.
- Xác định chủ đề mà văn bản muốn gửi đến người đọc.
- Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.

3. Để trả lời các ý hỏi trong câu 3, em hãy đọc lại các đặc điểm của tùy bút, tản văn ở mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGK, sau đó, đọc kĩ văn bản *Một thức quà của lúa non: cốm* và lần lượt xác định các đặc điểm của tùy bút được thể hiện trong văn bản này, với mỗi đặc điểm, các em có thể lấy một dẫn chứng từ văn bản để chứng minh.

Gợi ý trả lời:

a. *Một thức quà của lúa non: cốm* là một tùy bút vì:

- Ghi lại những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến về hương sắc, mùi vị của cốm làng Vòng, cách thưởng thức cốm một cách văn hoá.
- Thể hiện tình cảm trân trọng yêu quý của tác giả đối với cốm.
- Chất trữ tình: thấm đẫm trong từng đoạn văn, ví dụ trong đoạn đầu tiên tác giả vừa tả vẻ đẹp của đầm sen, của cánh đồng lúa, bông lúa non (màu sắc, mùi hương), vừa thể hiện sự tinh tế trong cảm nhận của tác giả về vẻ đẹp đó, ví dụ như đoạn sau:

Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương

vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

– Cái tôi của Thạch Lam thể hiện trong văn bản là cái tôi tinh tế, trân trọng món quà của thiên nhiên và văn hoá ẩm thực của dân tộc, cách nhìn, cách nghĩ, cách xưng gọi mang nét riêng của tác giả, chẳng hạn như: “*Các bạn có nghĩ thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, nghĩ thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không?*”; “*Hỡi các bà mua hàng!*”; “*Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen.*”

Văn bản giúp HS cảm nhận được tâm hồn phong phú, sâu sắc, tinh tế của tác giả.

– Ngôn ngữ trong tùy bút này thể hiện đặc điểm thể loại: cách dùng từ ngữ giản dị nhưng sống động, giàu hình ảnh, đồng thời thấm đẫm cảm xúc của tác giả.

b. Văn bản thể hiện sự yêu quý, trân trọng của tác giả đối với cốm. Các từ ngữ, hình ảnh được gạch chân trong đoạn văn sau thể hiện tình cảm, cảm xúc ấy của tác giả:

Khi các cô gái làng Vòng đổ gánh, giỏ từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ, và tinh khiết, không có mây may một chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve. Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thần Lúa.

c. Một trong những đoạn miêu tả đậm chất trữ tình của văn bản là đoạn tác giả miêu tả quá trình hình thành bông lúa non: “*Các bạn có nghĩ thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, nghĩ thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời*”. Đoạn này sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu là miêu tả và biểu cảm, thể hiện cảm xúc chân thực của tác giả trước vẻ đẹp của tự nhiên. Cảm xúc của tác giả về cách thưởng thức cốm còn được bộc lộ trong đoạn sau: “*Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm,*

cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một còn giữ lại cái ẩm áp của những ngày mùa hạ trên hồ". Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả như đã hoà quyện với sự thanh khiết của tự nhiên, với nét đẹp mộc mạc mà nên thơ của đất trời, tạo cho người đọc ấn tượng khó quên.

d. Để xác định chủ đề, trước tiên, em cần đọc kĩ từng phần của văn bản và tóm tắt nội dung chính của từng phần.

Văn bản có thể chia làm 3 phần, nội dung chính của từng phần là:

– Phần 1 (từ đầu đến “*hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng...*”): Hương thơm lúa non gợi nhớ đến cốm và nguồn gốc của cốm.

– Phần 2 (tiếp theo đến “*vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn?*”): Ngợi ca giá trị văn hoá của cốm.

– Phần 3 (còn lại): Bàn về cách thưởng thức cốm.

Chủ đề của văn bản: Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên và văn hoá dân tộc qua hình ảnh cốm.

đ. HS có thể tìm câu trả lời trong văn bản: do con người dần trở nên sinh ngoại, xa rời truyền thống (“những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước người ngoài”); hoặc tự suy luận do tốc độ phát triển ngày càng nhanh, con người ngày càng sống vội nên những phong tục tinh tế, tốt đẹp bị mất dần v.v.

4. Để trả lời các ý hỏi trong câu 4, em hãy đọc lại các đặc điểm của tùy bút, tản văn ở mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGK, sau đó, đọc kĩ văn bản *Buổi sáng mùa xuân sương chưa tan* và lần lượt xác định các đặc điểm của tản văn được thể hiện trong văn bản này, với mỗi đặc điểm, các em có thể lấy một dẫn chứng từ văn bản để chứng minh.

Gợi ý trả lời:

a. *Buổi sáng mùa xuân sương chưa tan* là một tản văn vì:

– Văn bản miêu tả cây mận đồng thời thể hiện tình cảm yêu thương gắn bó của tác giả với cây mận.

– Bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết đối với cây mận đã gắn bó nhiều năm với cả gia đình và trở thành kí ức không thể nào quên. Từ dòng

đầu tiên của văn bản, tác giả đã bộc lộ cảm xúc với cây mận: *“Tôi đã từng nghĩ rằng, có viết bao nhiêu dòng, bao nhiêu trang cũng không thể đủ, không thể thoả lòng về niềm yêu mến của tôi đối với cái cây ấy”*.

– Chất trữ tình: cảm xúc, suy nghĩ của tác giả hoà quyện với vẻ đẹp tươi mát của cây mận, ví dụ mỗi khi miêu tả cây mận, tác giả đều thể hiện tình cảm tha thiết đan xen với lời tả: *“Tôi có thể ngồi cả buổi ở hiên nhà, trong cái nắng vàng nhạt ảm áp, gió lạnh vẫn thổi băng qua trước mặt và đẩy tất cả mọi cái lá rụng về phía cuối sân. Mỗi khi một cánh hoa rơi xuống thì cây mận lại rung mình một cái, như là nó bị đau. Thấy thương cây mận.”* hoặc qua phép so sánh tinh tế: *“Cây mận giống mẹ tôi, phải đối vẻ đẹp của mình để lấy những đứa con”*.

– Cái tôi của Đỗ Bích Thủy thể hiện trong văn bản là cái tôi dịu dàng, trong trẻo, đầy nữ tính giàu cảm xúc; cách nhìn, cách nghĩ, cách xưng gọi mang nét riêng của tâm hồn tác giả, chẳng hạn như cách tự vấn: *“Lại nghĩ, liệu rồi mình có muốn giống cây mận kia không? Không biết.”*, hay như cách tác giả đối thoại với cây mận như với một con người thực sự chứ không phải một vật vô tri: *“Tôi muốn khóc lắm. Thật là thế. Tôi đã luôn tin rằng cây mận sẽ nhớ tôi biết bao, giống như tôi luôn nhớ nó. Một cái cây có linh hồn, mong manh, nhạy cảm, tinh tế, và trĩu nặng ân tình”*.

– Ngôn ngữ trong tản văn này thể hiện đặc điểm thể loại: tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình.

b. Chủ đề văn bản được xác định dựa vào việc nắm đối tượng và vấn đề chính mà văn bản muốn biểu đạt.

Văn bản có thể chia làm 3 phần với các nội dung chính như sau:

– Phần 1 (từ đầu đến *“Ngồi đan, và ngắm cây mận. Lúc nào tôi cũng muốn làm hai việc này cùng với nhau”*): Giới thiệu khung cảnh êm đềm thời thơ ấu, và sự gắn bó với cây mận suốt thời thơ ấu.

– Phần 2 (tiếp theo đến *“Người ta chặt bỏ nó đi”*): Thời niên thiếu và trưởng thành của tác giả bên cây mận, cho đến khi cả gia đình rời đi và cây mận bị chặt bỏ.

– Phần 3 (còn lại): Tình cảm sâu sắc của tác giả dành cho cây mận.

Chủ đề của văn bản: Qua hình ảnh cây mận, tác giả thể hiện những suy tư, cảm xúc về dòng chảy của thời gian và ý nghĩa của cây đối với con người.

c. Khi viết một đoạn văn thể hiện suy nghĩ của em về tình cảm đặc biệt giữa tác giả và cây mận, trước hết em hãy gạch đầu dòng những suy nghĩ của mình, chọn lọc suy nghĩ mà em cho là hợp lý nhất. Em cũng có thể trả lời các câu hỏi dưới đây để có thể xác định được suy nghĩ của mình:

– Em đồng ý hay không đồng ý với cách thể hiện tình cảm đặc biệt của tác giả đối với cây mận?

– Tình cảm đặc biệt ấy, theo em, có phải là điều thường thấy trong cuộc sống không?

– Em có hiểu hoặc đồng cảm được với tình cảm ấy không? Nếu có, phải chăng em cũng từng có tình cảm tương tự với một cái cây, một bông hoa, một khung cảnh, hay một đồ vật? Nếu không, em hãy viết ra và giải thích lý do.

– Tình cảm ấy liệu có giúp em nhìn nhận việc đối xử với cỏ cây, hoa lá, thiên nhiên, ... theo một cách khác?

Đoạn văn thể hiện suy nghĩ của em không cần dài, nhưng cần rõ ràng, mạch lạc, lý giải được vấn đề một cách hợp lý, thuyết phục.

II. TIẾNG VIỆT

1. 1đ; 2c; 3d; 4b; 5a.

2.

Từ ngữ	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
đĩa			X
rày			X
bên ni, bên tê		X	
chộ		X	
vườn	X		
giả vờ	X		

3. Tìm các từ ngữ địa phương trong đoạn văn và giải thích nghĩa của chúng:

Người nhà quê hỏi mình con nít toàn người nghèo, sân nhà quê hỏi ấy cũng rất sân đất, nên nhà nào cũng cắm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa, sân chìm trong nước cũng có chỗ mà đem phơi củi, hay gỏi, chiếu. Những ngày hừng nắng trên giàn luôn có thứ gì đó ngóng nắng, khi cảm mốc, khi thì mở bột gạo thừa trong lúc làm bánh, khi thì mở cơm nguội hay mở lá dứa khô dùng để nhen lửa, mấy trái đậu bắp già làm giống cho mùa sau,... Phơi trên giàn mọi thứ khô mau, vì nắng ngùn ngụt trên mặt, gió lộng phía lưng.

(Nguyễn Ngọc Tư, Mùa phơi sân trước)

- *Hỏi* (từ địa phương miền Nam): lúc, khi.
- *Con nít* (từ ngữ địa phương miền Nam): trẻ con.
- *Cắm* (từ địa phương miền Nam): dựng.
- *Trái* (từ địa phương miền Nam): quả.
- *Mau* (từ địa phương miền Nam): nhanh.

4. Vũ Bằng đã triển khai vấn đề từ nhỏ (lá sen và rom tươi gói cơm) đến lớn (món quà trang nhã mà tổ tiên truyền lại), từ cụ thể (cơm phải ra cơm) đến khái quát (sự thanh lịch, cao quý trong thưởng thức). Đây là một trình tự hợp lý của các ý, thể hiện qua trình tự hợp lý của câu, của đoạn.

5. Tình mạch lạc đã được thể hiện trong đoạn trích qua sự kết nối ý tứ, cảm xúc giữa các đoạn, từ “*Chân rõ ràng không môi, nhưng tâm rã rời, cứ chạy theo đeo đuổi miết trên những giàn phơi*” thể hiện sự theo đuổi giá trị vật chất cho đến “*má lại nói ta đâu cần phải có cái mà người ta có*” thể hiện sự nhắc nhở của người lớn, cho đến “*Mình bỗng nghe nhẹ nhõm khi nhìn theo bóng nhỏ đưa chiếc đồ về bên kia sông*” thể hiện sự trưởng thành của cái tôi và cuối cùng kết lại bằng sự hài lòng với những điều giản dị trong cuộc sống: “*Chật vật mấy, cuối Chạp cũng có cái đem phơi, đem nhuộm nắng, cũng có bụi bông vụn thò, và bông trang, bông lồng đèn nở rực rỡ trên rào...*”.

6. Liệt kê ít nhất 5 từ ngữ địa phương ở vùng miền em sống, sau đó tìm các từ ngữ đồng nghĩa ở các địa phương khác.

STT	Từ ngữ địa phương ở vùng miền em sống	Từ ngữ đồng nghĩa ở địa phương khác
1		
2		
3		
4		
5		

III. VIẾT

1. Em hãy đọc lại yêu cầu đối với kiểu bài văn biểu cảm về con người, sự việc trong SGK và tóm tắt các yêu cầu đó.

2. Để thể hiện tình cảm một cách chân thực, thuyết phục bài văn biểu cảm về con người, sự việc, cần:

- Xác định đúng cảm xúc về đối tượng.
- Tình cảm được thể hiện phải chân thực, trong sáng.
- Kết hợp được miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc.
- Trình bày các ý một cách rõ ràng, mạch lạc.

3. Em hãy dùng mẫu sơ đồ dưới đây để lập dàn ý cho bài văn:

MỞ BÀI	– Giới thiệu cảm xúc của người viết về đối tượng (sự việc): – Cảm xúc đó được biểu hiện như thế nào/ gắn với sự việc, sự kiện gì:
THÂN BÀI	1. Trình bày: – Cảm xúc về đối tượng, sự việc:..... 2. Lí giải cảm xúc: – Kết hợp với yếu tố tự sự thứ nhất:..... – Kết hợp với yếu tố tự sự thứ hai:..... – Kết hợp với yếu tố miêu tả thứ nhất: – Kết hợp với yếu tố miêu tả thứ hai:
KẾT BÀI	– Khẳng định lại cảm xúc:..... – Rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân:.....

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Những điều cần lưu ý khi thực hiện bài tóm tắt ý chính do người khác trình bày:

Tâm thế tôi cần chuẩn bị là sự lắng nghe, tinh thần cầu thị.

Để không bỏ sót ý chính do người khác trình bày, tôi cần tập trung lắng nghe và ghi chép.

Để đảm bảo bài tóm tắt thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, tôi cần lắng nghe, ghi lại ngắn gọn nhưng không bỏ sót chi tiết quan trọng, ghi từ khoá.

Để ghi được ngắn gọn các thông tin, tôi nên tập viết nhanh, sử dụng hệ thống kí hiệu, viết tắt hoặc sơ đồ trình bày.

Tôi thể hiện các ý rõ ràng, mạch lạc bằng cách ghi các ý theo thứ tự hoặc vẽ sơ đồ nội dung tóm tắt.

Lưu ý: Bảng trên chỉ gợi ý những điểm cơ bản, em có thể bổ sung thêm các kinh nghiệm của cá nhân em.

2. Việc đọc lại và chỉnh sửa phần ghi chép giúp ta đảm bảo nội dung ghi chép chính xác và đầy đủ ý chính. Thông qua quá trình đọc lại và xác nhận thông tin với những người nghe khác, ta có thể nhận ra những chỗ nghe chưa đúng hoặc những nội dung quan trọng còn thiếu sót, từ đó chỉnh sửa kịp thời.

Bài 5

TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN BẢN THÂN

(Văn bản thông tin)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

A. Đọc lại văn bản *Phòng tránh đuối nước* (SGK Ngữ văn 7, tập một, bài 5) và thực hiện các yêu cầu nêu dưới đây:

1. Trong văn bản *Phòng tránh đuối nước* (SGK, Ngữ văn 7, tập một, bài 5), có mục 4: *Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội*. Các điều khoản trong mục này được trình bày thành hai vế (một vế nêu tên hoặc tóm tắt điều khoản, một vế giải thích điều khoản ấy) như trong bảng dưới đây:

Điều khoản	Phần nêu tên hay tóm tắt điều khoản	Giải thích điều khoản
•	Không bơi sau khi ăn	Bơi như thế rất có hại cho dạ dày
•	...	...

Hãy tìm thêm trong mục 4 của văn bản *Phòng tránh đuối nước* một số điều khoản và trình bày vào bảng.

2. Theo em, có nên đưa thêm hình minh họa vào văn bản *Phòng tránh đuối nước* hay không? Nếu có, nên đưa hình minh họa cho nội dung đề mục nào? Nếu không, hãy giải thích lí do.

B. Đọc văn bản *Sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt* dưới đây và trả lời các câu hỏi.

SỬ DỤNG ĐIỆN AN TOÀN TRONG SINH HOẠT

Việc sử dụng điện không đúng cách, không cẩn thận hoàn toàn có thể làm phát sinh các trường hợp nguy hiểm, thậm chí có thể thiệt hại đến tính mạng, tài sản. Vì vậy, việc bảo đảm an toàn điện khi sử dụng là vô cùng quan trọng.

Vì sao phải thực hiện các quy tắc an toàn điện?

Điện là nguồn năng lượng chủ yếu trong cuộc sống sinh hoạt của con người. Tuy nhiên, nó cũng là một loại vật chất vô cùng nguy hiểm, có thể gây

ra những thiệt hại rất đáng tiếc. Theo thống kê của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Bộ Công thương, hằng năm, cả nước xảy ra khoảng từ 400 đến 500 vụ tai nạn do điện, khiến từ 350 đến 400 người thiệt mạng, hàng trăm người khác bị thương. Trong đó, 70% số vụ tai nạn có nguồn gốc từ mất an toàn trong quy trình sử dụng điện sinh hoạt tại gia đình. Việc hiểu và thực hiện các quy tắc an toàn điện là nhằm bảo đảm an toàn trong sử dụng điện.

Dưới đây là một số quy tắc thông dụng được trích từ *Cẩm nang hướng dẫn sử dụng điện an toàn*¹ do một công ti điện lực ban hành.

1. PHẢI LẮP ĐẶT THIẾT BỊ ĐÓNG CẮT ĐIỆN ĐÚNG VỊ TRÍ, ĐÚNG CÁCH

- Lắp cầu dao² hay át-tô-mát³ (aptomat) ở đầu dây cấp điện chính và các nhánh rẽ.

- Lắp cầu chì⁴ ở trước các ổ cắm⁵ điện để ngắt dòng điện khi có chạm chập hoặc quá tải, ngăn ngừa sự phát hoả do điện.

- Lắp đặt trên cả dây pha⁶ và dây trung tính⁷ thiết bị⁸ bảo vệ đóng cắt điện.

2. KHI CHƯA CẮT NGUỒN ĐIỆN **KHÔNG ĐƯỢC** CHẠM VÀO:

- Những CHỖ HỖ của dây điện (nơi vỏ cách điện bị nứt, tróc, bị bung bằng keo cách điện).

- Cầu dao, cầu chì không có nắp che,...

¹ *Cẩm nang*: các quy tắc này trích từ phần thứ nhất, *Cẩm nang hướng dẫn sử dụng điện an toàn* (Công ti Điện lực Nghệ An phát hành). Cẩm nang này cung cấp một số kiến thức cơ bản về an toàn trong sử dụng điện, một số biện pháp phòng tránh tai nạn về điện và cấp cứu khi người bị điện giật. Đây cũng chính là các quy tắc sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt. Cẩm nang gồm hai phần: Phần 1. Sử dụng điện an toàn trong nhà; Phần 2. Đảm bảo an toàn điện và hành lang lưới điện.

² Cầu dao: ?

³ Át-tô-mát: ?

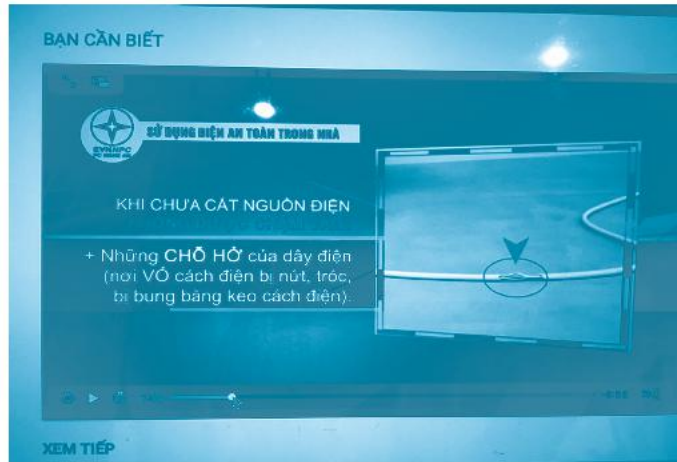
⁴ Cầu chì: ?

⁵ Ổ cắm: ?

⁶ Dây pha: ?

⁷ Dây trung tính: ?

⁸ Thiết bị: ?



3. KHÔNG sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện và thiết bị sử dụng điện CHẤT LƯỢNG KÉM vì dễ chạm chập, rò điện hoặc gây tai nạn. Phích cắm¹, ổ cắm điện PHẢI CHẮC CHẴN.

4. KHÔNG phơi quần áo, treo, móc vật dụng, hàng hoá VÀO DÂY ĐIỆN.



5. KHÔNG CẮM TRỰC TIẾP đầu dây dẫn điện (không có phích cắm) vào ổ cắm điện.

6. KHÔNG NẮM dây điện kéo ra, PHẢI NẮM vào phần nhựa và phích cắm.

7. KHI CÓ GIÔNG, SÉT, MƯA, BÃO, NHÀ BỊ NGẬP NƯỚC, TỐC MÁI, ĐỔ TƯỜNG,... PHẢI KỊP THỜI:

¹ Phích cắm: ?

- CẮT ĐIỆN (rút phích cắm) các thiết bị: ti vi, máy tính,...
- TÁCH CÁP ăng-ten ra khỏi ti vi nhằm tránh sét lan truyền.
- CẮT HẾT các nguồn điện bằng các thiết bị đóng cắt như: cầu dao, cầu chì, át-tô-mát,...

8. KHI CẦN SỬA CHỮA, LẮP ĐẶT ĐIỆN TRONG NHÀ, PHẢI NGẮT THIẾT BỊ đóng cắt điện (cầu dao, cầu chì, công tắc) và treo tại thiết bị đóng cắt điện biển báo “CẤM ĐÓNG ĐIỆN”.

9. KHI SỬ DỤNG CÁC CÔNG CỤ ĐIỆN CẦM TAY (MÁY KHOAN, MÁY MÀI), PHẢI mang GĂNG TAY CÁCH ĐIỆN để tránh bị điện giật.

10. KHI TAY ƯỚT HOẶC NỀN NHÀ ẨM ƯỚT:

- KHÔNG CHẠM TAY VÀO bất kì dụng cụ sử dụng điện nào.
- KHÔNG ĐÓNG CẮT cầu dao, công tắc hoặc cắm/ rút phích cắm điện.
- Muốn thao tác, PHẢI đứng trên VẬT CÁCH ĐIỆN (ghế gỗ, ghế nhựa khô,...).



11. KHÔNG để thiết bị điện CÓ PHÁT NHIỆT (ti vi, bàn ủi, bếp điện,...) Ở GẦN VẬT DỄ CHÁY.

12. VỚI CÁC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG NHÀ:

- PHẢI đảm bảo an toàn, phù hợp công suất đường dây cấp điện;
- PHẢI thường xuyên bảo dưỡng, vệ sinh;

• PHẢI sửa chữa hoặc thay mới khi phát hiện hư hỏng (thay dây mới khi phát hiện đường dây đã cũ, vỏ cách điện bị biến màu hoặc bong tróc).

(Theo Công ti Điện lực Nghệ An – Báo Nghệ An)

Tài liệu tham khảo:

1. Tăng Văn Mùi – Trần Duy Nam, *Sổ tay chuyên ngành điện*, NXB Khoa học kỹ thuật, 2013.

2. Cục An toàn lao động, *Sổ tay an toàn trong sử dụng điện* (dành cho người lao động), Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Cục An toàn lao động, NXB Lao Động – Xã hội, 2008.

3. <https://baonghean.vn/cam-nang-huong-dan-su-dung-dien-an-toan-272940.html> (Clip)

4. <https://tailieu.vn/doc/so-tay-an-toan-trong-su-dung-dien-1651277.html>

Câu hỏi:

1. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản *Sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt* là một văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động?
2. Văn bản *Sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt* nêu lên mấy điều khoản?
3. Nhận xét về tác dụng của các tấm hình và đoạn văn được in chữ đậm, nghiêng sau nhan đề của văn bản.
4. Các điều khoản chính trong văn bản trên có phải là thông tin cơ bản không? Thông tin chi tiết khác nhau về cấp độ được thể hiện phân biệt trong văn bản bằng dấu hiệu nào?
5. Việc sử dụng lặp lại các từ ngữ, kiểu câu “KHÔNG...”, “KHÔNG ĐƯỢC...”, hoặc “PHẢI...” khi trình bày các điều khoản quy tắc trong văn bản trên có tác dụng gì?
6. Trong văn bản trên, các thuật ngữ, cước chú có phải là các thông tin chi tiết không? Vì sao?
7. Cho biết trong hình dưới đây:
 - a. Có mấy phích cắm, mấy ổ cắm? Mấy ổ cắm đang được sử dụng?
 - b. Các thiết bị đang ở trong tình trạng an toàn hay không an toàn? Dựa vào đâu để em kết luận như vậy?



8. Từ các văn bản đã đọc, em rút ra lưu ý gì về cách đọc hiểu văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động?

II. TIẾNG VIỆT

1. Từ “cắm nang” có phải là thuật ngữ không? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?
2. Có phải tất cả các từ ngữ được chú thích trong một văn bản đều là thuật ngữ không? Vì sao?
3. Trong văn bản trên, ngoài từ “cắm nang”, thuật ngữ cần được chú thích đã được đánh dấu bằng số thứ tự và đặt ở chân trang. Em hãy tra cứu từ điển hoặc các tài liệu tin cậy để chú thích các thuật ngữ đó theo mẫu bảng dưới đây:

TT	Thuật ngữ	Chú thích
1	Thiết bị	tổng thể nói chung các máy móc, dụng cụ, phụ tùng cần thiết cho một hoạt động nào đó. Ví dụ: <i>thiết bị của phòng thí nghiệm, mua sắm thiết bị,...</i>
2		
3		
...	...	

4. Nêu tác dụng của việc sử dụng các thuật ngữ trong văn bản trên.
5. Theo em, về quy cách, các tài liệu tham khảo liệt kê ở cuối văn bản trên đã nêu đủ các thông tin cần thiết và đã được sắp xếp đúng quy cách chưa? Việc nêu tài liệu tham khảo ở bài viết này nhằm mục đích gì?
6. Viết đoạn văn khoảng 200 chữ nói về sự cần thiết phải tìm hiểu và thực hiện luật lệ giao thông hoặc nội quy nơi công cộng, trong đó có sử dụng thuật ngữ.

III. VIẾT

1. Vận dụng hiểu biết của em về kiểu bài *Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động* và trả lời những ý hỏi sau:
 - a. Giải thích yêu cầu chính đối với kiểu bài *Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động*.
 - b. Giải thích ý nghĩa của sơ đồ dàn ý của kiểu bài.
 - c. Tóm tắt công việc chính trong quy trình 4 bước khi thực hiện bài viết.

2. Đọc đề bài và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

Đề bài: *Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ của một trong những hoạt động hoặc trò chơi dưới đây:*

- *Đọc sách và tuân thủ các quy định về mượn sách, đọc sách ở thư viện.*
- *Thi đấu bóng đá, bóng chuyền và quy tắc, luật lệ của các hoạt động này.*
- *Tham gia giao thông đúng luật lệ.*
- *Sử dụng an toàn các thiết bị điện ở nhà hoặc ở trường.*
- *Mở chai lọ bị kẹt nắp, tẩy sạch các vết ố bẩn trên quần áo, vật dụng, chặt dừa lấy nước hay chế biến sinh tố,...*
- *Trò chơi cướp cờ hoặc trò chơi kéo co.*

Yêu cầu:

- a. Chọn đề tài để thực hiện bài viết và giải thích vì sao chọn đề tài đó.
- b. Đặt một số câu hỏi định hướng cho việc thu thập tư liệu và tìm ý cho bài viết.
- c. Lập dàn ý cho bài viết.

- d. Viết đoạn văn thuyết minh một vài điều khoản quan trọng đã phác thảo trong dàn ý.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Vận dụng hiểu biết của em về kiểu bài nói *Trình bày về một quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động* và giải thích:

- Điểm khác biệt giữa bài nói với bài viết về cùng một đề tài.
- Công việc chính của mỗi bước khi thực hiện bài nói.

2. Đọc kĩ đề bài và thực hiện các yêu cầu nêu dưới đây:

Đề bài: *Trình bày về một quy tắc hoặc luật lệ của một trong những hoạt động hoặc trò chơi dưới đây:*

- *Đọc sách và tuân thủ các quy định về mượn sách, đọc sách ở thư viện.*
- *Thi đấu bóng đá, bóng chuyền và quy tắc, luật lệ của các hoạt động này.*
- *Tham gia giao thông đường luật lệ.*
- *Sử dụng an toàn các thiết bị điện ở nhà hoặc ở trường.*
- *Mở chai lọ bị kẹt nắp, tẩy sạch các vết ố bẩn trên quần áo, vật dụng, chặt dừa lấy nước hay chế biến sinh tố,...*
- *Trò chơi cướp cờ hoặc trò chơi kéo co.*

Yêu cầu:

- Xác định đề tài, tìm ý, lập dàn ý cho bài nói.
- Tập trình bày theo dàn ý.
- Dự kiến nội dung trả lời cho một số câu hỏi giả định do người nghe nêu lên, chẳng hạn:
 - Tóm tắt ngắn gọn các điều khoản chính (hoặc điều khoản quan trọng nhất) trong quy tắc/ luật lệ mà em vừa trình bày.
 - Giải thích về mối quan hệ giữa các điều khoản chính trong bài trình bày của em.
 - Giải thích thuật ngữ/ cụm từ “...” mà em sử dụng khi trình bày điều khoản,...
 - ...

d. Giả sử em lần lượt được nghe hai bạn trình bày bài nói về hai đề tài:

- Đọc sách và tuân thủ các quy định về mượn sách, đọc sách ở thư viện.
- Sử dụng an toàn các thiết bị điện ở nhà hoặc ở trường.

Hãy nêu ít nhất một câu hỏi mà em dự kiến sẽ hỏi sau phần trình bày của mỗi bạn.

đ. Qua kết quả luyện tập, em thấy mình tự tin sẽ đạt những tiêu chí kĩ năng nào (đánh dấu vào cột ĐẠT), chưa tự tin về tiêu chí nào (đánh dấu vào cột CHƯA ĐẠT)?

Bảng kiểm kĩ năng giải thích về một quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động

Nội dung kiểm tra	ĐẠT	CHƯA ĐẠT
Người nói giới thiệu tên mình		
Phần mở đầu ấn tượng, tạo được sự thu hút		
Phần kết thúc ngắn gọn, lịch sự và tạo được sự khích lệ với người nghe		
Giới thiệu sơ lược về hoạt động		
Trình bày ngắn gọn, rõ ràng những nội dung cần chuẩn bị cho hoạt động		
Giải thích rõ ràng, dễ hiểu quy tắc/ luật lệ của hoạt động (cách thức) thực hiện, những điều cần lưu ý (nếu có)		
Sử dụng từ ngữ phù hợp để làm rõ nội dung, thứ tự sắp xếp các nội dung của quy tắc/ luật lệ		
Sử dụng cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt và ngữ điệu phù hợp với nội dung		
Kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan để làm rõ nội dung trình bày		
Tương tác với người nghe		
Chào và cảm ơn người nghe		

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

A.

1.

– Đọc và soát lại mục 4 *Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội* (văn bản đọc mở rộng trong SGK), tìm các điều khoản được trình bày theo hai vế: một vế nêu tên hoặc tóm tắt điều khoản, một vế giải thích điều khoản ấy.

– Điền vế thứ nhất (nêu tên hoặc tóm tắt điều khoản) vào cột giữa, vế thứ hai (giải thích điều khoản) vào cột bên phải.

Gợi ý câu trả lời:

Điều khoản	Phần nêu tên hay tóm tắt điều khoản	Giải thích điều khoản
•	<i>Không bơi sau khi ăn</i>	<i>Bởi như thế rất có hại cho dạ dày</i>
•	<i>Không bơi lội một mình nơi vắng vẻ, ngay cả khi em là người bơi lội giỏi</i>	<i>Vì sẽ không có ai cứu em khi gặp tình huống nguy hiểm</i>
•	<i>Trước khi xuống nước, em nên kiểm tra lại độ sâu</i>	<i>Hầu hết những tổn thương ở vùng cổ và lưng thường do những cú nhảy bổ nhào hoặc lặn dưới hồ có mực nước cạn</i>
•	<i>Không bơi khi người em có nhiều mồ hôi hoặc vừa đi ngoài nắng về</i>	<i>Bởi làm như vậy rất dễ bị cảm</i>
•	...	...

2. Văn bản đọc mở rộng trong SGK mới chỉ có một hình minh họa (hồ nước có biển báo cấm). Em hãy lần lượt đọc kĩ lại văn bản theo các đề mục điều khoản từ trên xuống dưới và đề xuất đưa thêm hình minh họa (bằng tranh, hình vẽ, sơ đồ,...) nhằm tăng tính trực quan, giúp cho việc đọc hiểu thuận lợi hơn.

Gợi ý câu trả lời:

– Mục **2. Học bơi**: có thể đưa hình minh họa việc học bơi có thầy giáo và HS học bơi ngay trên bờ hồ bơi.

– Mục **4. Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội**: có thể đưa thêm hình minh họa trẻ em bơi dưới hồ, người lớn bơi cùng hoặc người lớn đứng trên bờ trông coi.

– ...

Tuy nhiên, cần lưu ý: trong một văn bản thông tin việc sử dụng hình minh họa phải chọn lọc, hợp lí, thật sự có giá trị minh họa, không nên lạm dụng.

B.

1. Em hãy: đọc lại văn bản, tìm và đưa ra một số dấu hiệu nhận biết (nếu có) từ:

– Sa-pô (nếu có).

– Cách bố cục, nêu nhan đề, đề mục; cách đánh số điều khoản, cách đánh dấu các thông tin chi tiết được liệt kê.

– Sự kết hợp giữa lời giới thiệu, thuyết minh với hình minh họa.

– Cách sử dụng thuật ngữ, cước chú, tài liệu tham khảo.

– ...

2. Học sinh xem phần bài học và tự trả lời.

3. Thực hiện câu trả lời theo hai ý: (1) Tác dụng của hình ảnh minh họa; (2) Tác dụng của sa-pô.

Gợi ý câu trả lời:

(1) Tác dụng của hình ảnh minh họa: ví dụ như hình minh họa 1 giúp cho việc nhận biết chỗ hở trên dây điện không được chạm tay vào rõ rệt và dễ nhớ hơn.

(2) Đoạn in chữ đậm, nghiêng ngay sau nhan đề văn bản là sa-pô, tóm lược cô đọng về mục đích, tầm quan trọng của việc tuân thủ quy tắc sử dụng an toàn điện sinh hoạt. Việc in chữ đậm, nghiêng nhằm nhấn mạnh, tác động vào thị giác, gây chú ý khi đọc văn bản.

4. Để trả lời câu hỏi này, em hãy:

– Xem lại khái niệm “thông tin cơ bản” và “chi tiết” (thông tin chi tiết) trong SGK, mục *Tri thức Ngữ văn*.

Thông tin cơ bản	Chi tiết (thông tin chi tiết)
– <i>Thông tin cơ bản</i> là thông tin chính, quan trọng, toát ra từ toàn bộ văn bản. – <i>Thông tin cơ bản</i> thường được tóm lược khái quát trong nhan đề, sa-pô.	– <i>Chi tiết (hay thông tin chi tiết)</i> là đơn vị nhỏ làm cơ sở và góp phần làm sáng tỏ thông tin chính. – <i>Chi tiết</i> thường được triển khai qua các đề mục, tiểu mục hoặc các phần, các đoạn lớn nhỏ trong văn bản, bao gồm cả chi tiết biểu đạt bằng ngôn ngữ lẫn phi ngôn ngữ (số liệu sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu,...).

[*Thông tin cơ bản* → *Thông tin chi tiết bậc 1* → *Thông tin chi tiết bậc 2* → v.v.]

– Xác định “thông tin cơ bản” và “chi tiết” (thông tin chi tiết) trong văn bản *Sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt* để đưa ra câu trả lời.

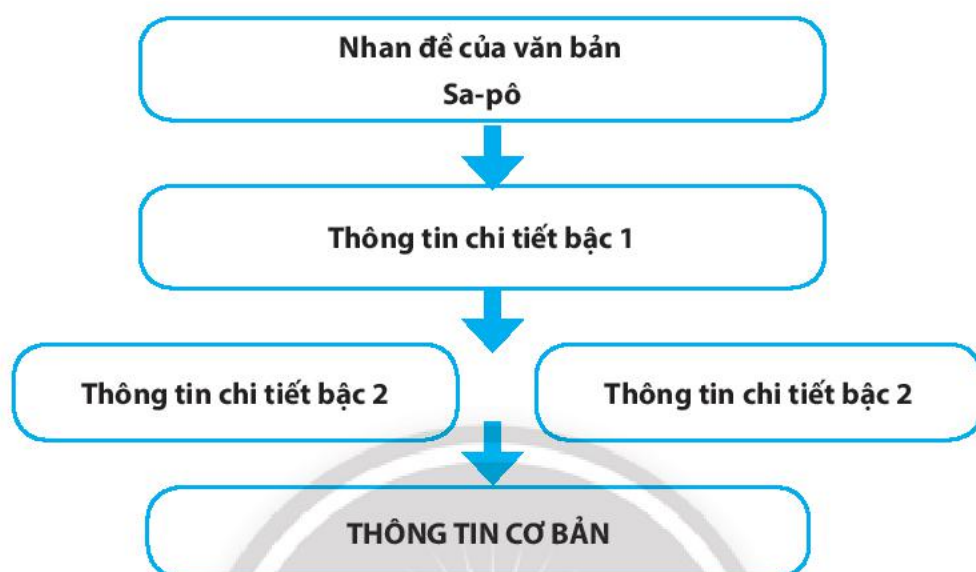
Gợi ý trả lời:

Có thể xác định “thông tin cơ bản” và “chi tiết” theo bảng đối chiếu dưới đây:

Thông tin cơ bản	Chi tiết (thông tin chi tiết)
– Toát ra từ nhan đề: “<i>Sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt</i>”. – Toát ra từ sa-pô: “<i>Việc sử dụng điện không đúng cách, không cẩn thận hoàn toàn có thể làm phát sinh các trường hợp nguy hiểm, thậm chí có thể thiệt hại đến tính mạng, tài sản. Vì vậy, việc bảo đảm an toàn điện khi sử dụng là vô cùng quan trọng</i>”. – Toát ra từ toàn văn bản (thông qua các thông tin chi tiết).	– Mỗi điều khoản trong 12 điều khoản (được đánh số từ 1 đến 12, thuộc bộ quy tắc <i>Sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt</i>) là một thông tin chi tiết bậc 1. – Các dấu chấm tròn liệt kê đầu dòng là thông tin chi tiết bậc 2. – Các từ ngữ, thuật ngữ giúp truyền tải thông tin bậc 1, bậc 2 đều có thể xem là chi tiết hay thông tin chi tiết (bậc 2, bậc 3).

Thông tin cơ bản: Các quy tắc sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt

THÔNG TIN CƠ BẢN



5. Gợi ý trả lời:

Liệt kê số lượt sử dụng để thấy sự xuất hiện đậm đặc của các từ ngữ, kiểu câu này:

"KHÔNG...", "KHÔNG ĐƯỢC..."	"PHẢI..."
8 lượt	10 lượt

– KHÔNG...", "KHÔNG ĐƯỢC...": phủ định, cảm đoán dứt khoát về điều không được làm.

– "PHẢI...": khẳng định bắt buộc về điều phải làm.

→ Tác dụng: Tính bắt buộc phải tuân theo từng điều khoản được nêu trong quy tắc sử dụng điện an toàn.

6. Gợi ý trả lời:

Thuật ngữ, cước chú là các đơn vị thông tin chi tiết nhỏ nhất, góp phần truyền tải thông tin, góp phần tạo nên thông tin bậc 2, bậc 1 và góp phần thể hiện thông tin cơ bản.

7. Gọi ý trả lời:

- a. Trong hình, thiết bị có 3 phích cắm; 7 ổ cắm; 3 ổ cắm đang được sử dụng.
- b. Thiết bị đang trong tình trạng không an toàn do có hiện tượng toé lửa từ chỗ giao nhau giữa một ổ cắm và phích cắm.

8. Gọi ý trả lời:

Em hãy dựa vào mục đích, đặc điểm, các yếu tố của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động (*nhân đề, sa-pô, bố cục, đề mục, hình ảnh số liệu, thông tin cơ bản, thông tin chi tiết, thuật ngữ, cước chú, tài liệu tham khảo, ...*) để rút ra một số lưu ý về cách đọc hiểu kiểu văn bản này từ trải nghiệm của bản thân.

II. TIẾNG VIỆT

1. Từ “cẩm nang” vốn có nghĩa gốc là “túi gấm chứa lời khuyên bí ẩn, cách giải quyết một việc khó”. Trong văn bản đọc, “cẩm nang” được dùng với nghĩa chuyển “sách ghi tóm tắt những điều hướng dẫn cần thiết”. Từ “cẩm nang” với nghĩa chuyển này thường được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực của đời sống (cẩm nang mua sắm, cẩm nang phòng chống Covid-19, cẩm nang sức khỏe, cẩm nang du lịch,...). Vì vậy, đây không phải là thuật ngữ khoa học.

2. Trong một văn bản, kể cả văn bản thông tin, các từ lạ, khó hiểu đối với người đọc đều cần cước chú. Thuật ngữ khoa học là một trong các loại từ ngữ đó. Tuy vậy, nếu là thuật ngữ đã quen thuộc với người đọc không nhất thiết phải chú thích.

3. Trong văn bản trên, ngoài từ “cẩm nang”, thuật ngữ cần được chú thích đã được đánh dấu bằng số thứ tự và đặt ở chân trang. Em hãy tra cứu từ điển hoặc các tài liệu tin cậy để chú thích các thuật ngữ đó theo mẫu bảng dưới đây:

TT	Thuật ngữ	Chú thích
1	Thiết bị	tổng thể nói chung các máy móc, dụng cụ, phụ tùng cần thiết cho một hoạt động nào đó. Ví dụ: <i>thiết bị của phòng thí nghiệm, mua sắm thiết bị,...</i>

2	<i>Dây pha</i>	(còn gọi <i>dây nóng</i>) là loại dây có chứa dòng điện xoay chiều, phân biệt với dây trung tính. <i>Dây pha</i> gồm: dây điện 1 pha, dây điện 2 pha và dây điện 3 pha.
3.	<i>Dây trung tính</i>	(có ký hiệu: N, còn được gọi <i>dây nguội</i> , <i>dây mát</i>) là loại dây không có điện, tức dòng điện = 0; giúp cân bằng pha trong mạch điện 3 pha, đồng thời giúp giữ kín mạch điện trong dòng điện 1 pha.
4.	<i>Cầu dao</i>	bộ phận đóng, ngắt mạch điện.
5	<i>Cầu chì</i>	bộ phận bảo vệ trong mạch điện, gồm phần chính là một dây kim loại dễ nóng chảy (thường là dây chì) để tự động cắt mạch điện khi dòng điện tăng lên quá mức quy định.
6	<i>Phích cắm</i>	(còn gọi <i>phích điện</i> , <i>phích</i>), dụng cụ để cắm vào ổ cắm nối dòng điện với đồ dùng điện.
7	<i>Ổ cắm</i>	bộ phận để cắm phích điện.
8	<i>Át-tô-mát</i> (<i>Aptomat</i>)	(còn gọi <i>thiết bị đóng cắt tự động</i> hay <i>cầu dao tự động</i> , tiếng Anh viết tắt là CB, viết tắt từ <i>Circuit Breaker</i>) là thiết bị có chức năng tự động ngắt mạch điện khi dòng điện bị quá tải hoặc ngắn mạch.

4. Tác dụng của thuật ngữ là thực hiện các chức năng của nó: mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và mỗi khái niệm được biểu thị chỉ bằng một thuật ngữ. Nhờ nguyên tắc này, các bộ phận, thiết bị liên quan đến điện và việc sử dụng điện sinh hoạt trong văn bản được gọi tên và mô tả chính xác; tránh mơ hồ, nhầm lẫn.

5. Để thực hiện bài tập này em cần tìm hiểu:

– Quy cách sắp xếp theo thứ tự trước sau các đơn vị tài liệu trong một danh mục tham khảo (quy cách: sắp xếp theo thứ tự A, B, C,... tên tác giả tài liệu);

– Quy định về các loại thông tin chi tiết liên quan đến từng đơn vị tham khảo khi được đưa vào danh mục tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin (quy định: mỗi tài liệu tham khảo phải có đủ 4 loại thông tin chi tiết, thường ghi lần lượt theo thứ tự: tên tác giả, tên tài liệu, tên nhà xuất bản, năm xuất bản).

Sau đó, đối chiếu danh mục tài liệu tham khảo được nêu ở bên dưới văn bản với quy cách, quy định đó để đưa ra nhận xét.

6. Đây là dạng bài tập viết ngắn, kết nối viết với đọc và tiếng Việt. Em có thể thực hiện bài tập này theo các bước sau:

– Xác định rõ yêu cầu của bài tập (lưu ý các cụm từ: “khoảng 200 chữ”, dùng “ít nhất một thuật ngữ”, “sự cần thiết phải tìm hiểu và thực hiện luật lệ giao thông hoặc nội quy nơi công cộng”).

– Phác thảo nhanh một định hướng hoặc bố cục cho đoạn văn (Ví dụ: một câu chủ đề, một số câu triển khai ý cụ thể, chi tiết xoay quanh sự cần thiết phải tìm hiểu và thực hiện luật lệ giao thông hoặc nội quy nơi công cộng).

III. VIẾT

1.

a. HS dựa vào mục Tri thức về kiểu bài *Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động* (SGK), nêu các yêu cầu và trình bày theo cách hiểu của mình về nhan đề, nội dung bài viết (tập trung thuyết minh về quy tắc/ luật lệ của hoạt động/ trò chơi), cấu trúc 3 phần của bài viết.

b. HS dựa vào sơ đồ dàn ý của kiểu bài (SGK tr.125) để thuyết minh về sơ đồ nhằm chuẩn bị cho bước tìm ý, lập dàn ý ở bài tập 2.

c. HS tóm tắt, cần ghi nhớ và giải thích được một số công việc chính theo 4 bước:

1. Chuẩn bị trước khi viết.

2. Tìm ý và lập dàn ý.

3. Viết bài.

4. Đọc lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.

Ví dụ, với bước 1, cần nhắc đến các công việc: xác định mục đích viết, người đọc dự kiến, nội dung, cách viết; xác định đề tài, định hướng thu thập tư liệu,...; với bước 2, cần phân biệt công việc của khâu *tìm ý* khác với khâu *thu thập tư liệu*, khác với khâu *lập dàn ý* thế nào;...

2.

a. Trong các đề tài (hoạt động/ trò chơi) gợi ý từ đề bài trên, em có thể tùy chọn một hoạt động/ trò chơi nào đó để thuyết minh về quy tắc luật lệ, theo gợi ý sau:

- Hoạt động/ trò chơi gần gũi mà em hiểu biết về quy tắc luật lệ.
- Hoạt động/ trò chơi mà em yêu thích, có hứng thú để thuyết minh.
- Hoạt động/ trò chơi thuận lợi cho em trong việc quan sát thực tế tìm kiếm tư liệu, thông tin để chuẩn bị cho bài viết.

Đây cũng chính là cơ sở để em giải thích lí do chọn đề tài (hoạt động/ trò chơi sẽ thuyết minh trong bài viết) của mình.

b. Có thể thực hiện theo trình tự sau:

(1) Đặt một số câu hỏi định hướng cho việc thu thập tư liệu và tìm ý cho bài viết, chẳng hạn:

- Cần tìm những thông tin nào?
- Tìm những thông tin ấy ở đâu?

(2) Trả lời câu hỏi để xác định hướng thu thập thông tin. Tùy vào hoạt động mà tìm nguồn tư liệu liên quan đến quy tắc, luật lệ của chính hoạt động ấy.

Ví dụ: liên quan đến hoạt động tham gia giao thông thì tìm luật giao thông đường bộ và các tài liệu thuyết minh về luật này; liên quan đến thi đấu bóng đá, bóng chuyền thì tìm kiếm các tài liệu về luật, thuyết minh giải thích về luật thi đấu bóng đá, bóng chuyền,...; tương tự với hoạt động sử dụng thiết bị điện ở nhà hoặc ở trường, đọc sách ở thư viện, mẹo mở chai lọ kẹt nắp, tẩy sạch vết ố bẩn trên các vật dụng,...

(3) Sau đó, thực hiện khâu *Tìm ý*:

- Đọc tài liệu liên quan, đặc biệt là đọc và tìm hiểu kĩ về quy tắc, luật lệ của hoạt động/ trò chơi.
- Ghi lại các điều khoản trong quy tắc, luật lệ dưới dạng tóm tắt, gạch chân một số từ ngữ, thuật ngữ quan trọng, mới và khó hiểu để tra cứu.
- Ghi lại các ý tưởng nảy sinh trong đầu liên quan đến các điều khoản trong quy tắc, luật lệ của hoạt động/ trò chơi.

– Xác định sơ bộ các điều khoản dự kiến đưa vào phần chính của bài thuyết minh.

c. Em có thể dựa vào sơ đồ dưới đây để lập dàn ý cho bài thuyết minh:

Mở bài	– Nêu tên quy tắc, luật lệ của hoạt động/ trò chơi. – Nêu lí do của việc thuyết minh về quy tắc, luật lệ.
Thân bài	<i>1. Giới thiệu vắn tắt mục đích bối cảnh, thời gian, không gian diễn ra hoạt động/ trò chơi và sự cần thiết thực hiện hoạt động/ trò chơi theo quy tắc.</i> <i>2. Trình bày các điều khoản/ nội dung của quy tắc hay luật lệ:</i> – Điều khoản/ nội dung 1 – Điều khoản/ nội dung 2 – Điều khoản/ nội dung 3 – ... <i>3. Một vài lưu ý đặc biệt (nếu có).</i>
Kết bài	– Khẳng định ý nghĩa của việc tuân thủ quy tắc, luật lệ. – Đưa ra khuyến nghị, động viên đối với người nghe.

d.

– Sau khi đã lập dàn ý em chọn một trong số các điều khoản ở nội dung 2 của phần chính để viết đoạn văn theo yêu cầu.

– Các điều khoản trong một bộ quy tắc, luật lệ thường có tính độc lập nhất định, nên em có thể viết về một điều khoản nào đó mà không nhất thiết phải lệ thuộc vào thứ tự hay mối quan hệ giữa điều khoản ấy với các điều khoản khác.

– Để đoạn văn được viết trôi chảy, thuận lợi em nên chọn điều nào mà mình hiểu về nó chắc chắn nhất, được chuẩn bị kĩ lưỡng và có hứng thú nhất để viết trước.

– Tự đánh giá kĩ năng viết đoạn văn của mình bằng cách sử dụng một số tiêu chí trong bảng kiểm. Chẳng hạn, sử dụng các tiêu chí dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn thuyết minh về một điều khoản trong quy tắc hay luật lệ của hoạt động

Đoạn văn đã viết	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Điều khoản... (Phần chính)	Nêu tên hay số thứ tự của điều khoản (theo dàn bài).		
	Thuyết minh rõ nội dung của điều khoản qua đoạn văn.		
	Sử dụng và giải thích được từ ngữ, thuật ngữ liên quan.		
	Đáp ứng yêu cầu về cấu trúc, diễn đạt của một đoạn văn.		
	Hướng đến việc tác động hay thuyết phục người đọc tuân thủ quy tắc hay luật lệ.		

IV. NÓI VÀ NGHE

1.

a. Việc giải thích, nêu điểm khác biệt giữa bài nói với bài viết về cùng một đề tài nên tập trung vào một số khía cạnh sau:

– Khác biệt về hình thức và yêu cầu giao tiếp: bài nói giao tiếp trực tiếp với người nghe; bài viết giao tiếp gián tiếp với người đọc

– Khác biệt về không gian, thời gian giao tiếp: bài nói giao tiếp trong không gian, thời gian xác định và có giới hạn; bài viết không nhất thiết tuân theo các giới hạn này.

– Khác biệt về điều kiện sử dụng ngôn ngữ giao tiếp: bài nói bên cạnh lời thuyết minh còn được hỗ trợ bởi giọng nói, âm sắc, âm lượng, ngôn ngữ cơ thể; bài viết chỉ dựa vào lời văn trong văn bản.

– ...

b. Em thực hiện như với câu c, Bài tập 1 phần VIẾT, lần lượt tóm tắt công việc chính trong bốn bước:

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

2.

a. Dựa vào kết quả và cách thức thực hiện các yêu cầu tương tự trong bài tập 2 phần VIẾT để thực hiện các yêu cầu của câu này.

b. Dựa vào dàn ý đã lập cho bài nói để luyện tập việc trình bày.

c. Trong vai trò người nói, em cần tập cách nói rành mạch, ôn tồn, thể hiện sự tôn trọng, chân tình trong khi trao đổi các ý kiến, câu hỏi phản hồi từ phía người nghe. Đề bài đã nêu ra một số phản hồi giả định, em lần lượt tập cách nghĩ nhanh và hồi đáp gãy gọn các yêu cầu:

– Tóm tắt thật ngắn gọn các điều khoản chính (hoặc điều khoản quan trọng nhất) trong quy tắc/ luật lệ mà em vừa trình bày.

– Giải thích về mối quan hệ giữa các điều khoản chính trong bài trình bày của em.

– Giải thích thuật ngữ/ cụm từ “...” mà em sử dụng khi trình bày điều khoản...

– ...

d. Trong vai trò người nghe, em tập nêu ý kiến phản hồi dưới hình thức câu hỏi. Cụ thể, với mỗi đề tài phía dưới, em đặt một câu hỏi để tạo tương tác với người nói.

– *Đọc sách và tuân thủ các quy định về mượn sách, đọc sách ở thư viện.*

– *Sử dụng an toàn các thiết bị điện ở nhà hoặc ở trường.*

Ví dụ, với đề tài thứ nhất, hỏi:

“– *Bạn có biết việc quy định cách mượn sách in và sách điện tử (Ebook) ở thư viện khác nhau ở điểm nào không? Nếu có hãy chia sẻ với mọi người.*”

Hoặc, với đề tài thứ hai, có thể hỏi:

“– Bạn hãy giải thích thêm “cầu dao” với “cầu chì” khác nhau thế nào? Khi cần thay một cầu chì bị cháy ta cần thực hiện các thao tác nào?”

– ...

đ. Bài tập này tạo cơ hội cho em tự đánh giá kĩ năng nói của mình, điều quan trọng là em tự biết, tự nhìn nhận, đánh giá bản thân ở một thời điểm cụ thể để có kế hoạch tự điều chỉnh. Sự trung thực với chính mình và tự hiểu biết bản thân trong trường hợp này là rất có ý nghĩa.

Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Người nói giới thiệu tên mình.		
Phần mở đầu ấn tượng, tạo được sự thu hút.		
Phần kết thúc ngắn gọn, lịch sự và tạo được sự khích lệ với người nghe.		
Giới thiệu sơ lược về hoạt động/ trò chơi.		
Trình bày ngắn gọn, rõ ràng những nội dung cần chuẩn bị cho hoạt động/ trò chơi.		
Giải thích rõ ràng, dễ hiểu quy tắc/ luật lệ của hoạt động/ trò chơi (cách thức) thực hiện, những điều cần lưu ý (nếu có).		
Sử dụng từ ngữ phù hợp để làm rõ nội dung, thứ tự sắp xếp các nội dung của quy tắc/ luật lệ.		
Sử dụng cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt và ngữ điệu phù hợp với nội dung.		
Kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan để làm rõ nội dung trình bày.		
Tương tác với người nghe.		
Chào và cảm ơn người nghe.		



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ BÀI TẬP LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Bài tập NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
2. Bài tập NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
3. Bài tập TOÁN 7, TẬP MỘT
4. Bài tập TOÁN 7, TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 7
Friends Plus - Workbook
6. Bài tập GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
7. Bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN LỊCH SỬ)
8. Bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN ĐỊA LÍ)
9. Bài tập KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
10. Bài tập CÔNG NGHỆ 7
11. Bài tập TIN HỌC 7
12. Bài tập ÂM NHẠC 7
13. Bài tập MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
14. Bài tập MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
15. Bài tập HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
16. Bài tập HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khóa.



ISBN 978-604-0-31980-7



9 786040 319807

Giá: 15.000 đ